



V I E T N A M
LISTED COMPANY
AWARDS

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÁC DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT TẠI VIỆT NAM 2018

CUỘC BÌNH CHỌN
DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT NĂM 2018



DRAGON CAPITAL



Deloitte.



Tuyên bố trách nhiệm

Kết quả đánh giá này dựa trên những gì quan sát được từ các thông tin công khai cho công chúng, là những gì được phản ánh trong các hồ sơ, tài liệu có được về doanh nghiệp. Vì vậy kết quả có thể không được toàn diện và đầy đủ như những gì có thể nắm bắt được khi có được các thông tin nội bộ, hoặc thông tin về thực tế diễn ra bên trong doanh nghiệp. Ngoài ra cũng có những trường hợp doanh nghiệp thực hiện tốt nhưng không công khai thông tin thì thực tiễn tốt đó cũng không được phản ánh vào các kết luận của báo cáo này.

Cũng như bất kỳ hệ thống đánh giá chấm điểm quản trị công ty nào, phương pháp đánh giá cũng này cũng không tránh khỏi việc có những thiếu sót nhất định. Việc sử dụng các thông tin cung cấp trong báo cáo này do vậy cần được cân trọng. Ban Tổ chức không chịu trách nhiệm đối với các hậu quả do việc sử dụng các dữ liệu này gây ra.

Corporate governance is the system by which companies are directed and controlled. Boards of directors are responsible for the governance of their companies. The shareholders' role in governance is to appoint the directors and the auditor to satisfy themselves that an appropriate governance structure is in place. The responsibilities of the board include setting the company's strategic aims, providing the leadership to put them into effect, supervising the management of the business and reporting to shareholders on their stewardship. The board's actions are subject to laws, regulations and the shareholders in general meeting.

- Cadbury Report, 1992.

Quản trị công ty là hệ thống thông qua đó công ty được định hướng và kiểm soát. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm quản trị công ty. Vai trò của cổ đông trong quản trị công ty là lựa chọn các thành viên hội đồng quản trị và kiểm toán viên để đảm bảo thiết lập được một cấu trúc quản trị phù hợp cho doanh nghiệp. Trách nhiệm của hội đồng quản trị bao gồm đặt ra các định hướng chiến lược, thực thi lãnh đạo để các định hướng này phát huy tác dụng trong thực tiễn, hướng dẫn và giám sát ban điều hành doanh nghiệp thực thi chiến lược và báo cáo cho cổ đông về vai trò phụng sự cổ đông của mình. Các hành động của hội đồng quản trị được khuôn phép theo qui định của pháp luật, và theo điều lệ được quyết định bởi đại hội đồng cổ đông.

Trích Cadbury Report, 1992¹.

¹Cadbury Report ra đời năm 1992 là báo cáo về "Ý nghĩa tài chính của Quản trị công ty" đưa ra các khuyến nghị về Hội đồng quản trị và các hệ thống kế toán nhằm phòng ngừa rủi ro. Các khuyến nghị này đã được công nhận là bộ nguyên tắc quản trị công ty đầu tiên làm nền tảng xây dựng các nguyên tắc quản trị công ty được áp dụng rộng khắp trên thế giới, trong đó có bộ nguyên tắc quản trị công ty của OECD.

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

LỜI MỞ ĐẦU

1. GIỚI THIỆU CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	1
1.1. GIỚI THIỆU.....	1
1.2. CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÁC DNNY VIỆT NAM NĂM 2018.....	3
1.3. CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	5
1.4. BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	6
2. NỘI DUNG PHÂN TÍCH QUẢN TRỊ CÔNG TY VIỆT NAM NĂM 2018.....	10
2.1. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY TỔNG QUAN.....	10
2.2. LỢI ÍCH CỦA QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	14
2.3. QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO LĨNH VỰC NGÀNH NGHỀ.....	17
2.4. QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ ĐẶC ĐIỂM HӨDQT.....	19
3. ĐIỂM THỰC HIỆN TỐT, ĐIỂM CẦN CẢI THIỆN.....	24
3.1. NHỮNG ĐIỂM THỰC HIỆN TỐT.....	24
3.2. NHỮNG ĐIỂM CẦN CẢI THIỆN.....	25
BỘ CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY VIỆT NAM.....	35
DANH SÁCH DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM 2018.....	61

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ACMF	Diễn đàn Thị trường vốn ASEAN
ADB	Ngân hàng phát triển Châu Á
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
BCTN	Báo cáo thường niên
BKS	Ban kiểm soát
DNNY	Doanh nghiệp niêm yết
G20	Diễn đàn của 20 nền kinh tế lớn
GCGF	Diễn đàn quản trị công ty toàn cầu
GDCK	Giao dịch chứng khoán
ĐHCĐ	Đại hội cổ đông
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
IFC	Tổ chức Tài chính Quốc tế
M&A	Hoạt động mua bán và sáp nhập doanh nghiệp
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
P/B	Tỉ số giá thị trường chia giá bút toán của cổ phiếu
QTCT	Quản trị công ty
ROA	Tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản
ROE	Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu
TGDĐ	Tổng Giám đốc
Tobin's Q	Tỉ số giá thị trường chia giá bút toán của tổng tài sản
TTCK	Thị trường chứng khoán
VCGS	Bộ tiêu chí QTCT của Việt Nam
VNX Allshare	Chỉ số chung cho thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX

LỜI MỞ ĐẦU

Quản trị công ty tốt là yêu cầu thiết yếu giúp tạo dựng lòng tin nơi nhà đầu tư, cho phép doanh nghiệp tiếp cận được nguồn vốn với chi phí hợp lý, và giúp đảm bảo một quá trình phát triển bền vững và lâu dài của doanh nghiệp. Để đáp ứng nhu cầu nắm bắt tình hình thực thi các quy định và thông lệ quản trị công ty tốt tại các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam, trong khuôn khổ của Cuộc Bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết Việt Nam năm 2018, Ban Tổ chức Cuộc bình chọn và các bên hữu quan đã thực hiện khảo sát và tổng kết các khía cạnh thực hành về quản trị công ty tại Báo cáo đánh giá Quản trị công ty các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam năm 2018.

Kết quả đánh giá dựa trên Bộ tiêu chí quản trị công ty áp dụng cho Doanh nghiệp niêm yết Việt Nam năm 2018 (VCGS) được xây dựng dựa trên qui định pháp luật Việt Nam về quản trị công ty, các nguyên tắc quản trị công ty của G20/OECD, các tiêu chí của Thẻ điểm quản trị công ty ASEAN với mục tiêu đo lường, đánh giá và thúc đẩy thực hành quản trị tốt theo lộ trình cho phép doanh nghiệp Việt Nam sớm hội nhập thị trường vốn khu vực và quốc tế. Mẫu đánh giá là toàn bộ các doanh nghiệp niêm yết có trong bộ chỉ số VNX-Allshare; các tài liệu công bố cho công chúng nhà đầu tư và các bên hữu quan được thu thập từ nhiều nguồn, và được đánh giá qua nhiều bước, nhằm đảm bảo độ tin cậy và khách quan trong các nhận định.

Các kết quả đánh giá tổng quan, các quan sát thực hành quản trị trong từng lĩnh vực bám sát mục tiêu đánh giá của năm 2018 cho thấy việc đáp ứng tốt QTCT theo tiêu chuẩn VCGS vẫn còn là thách thức đối với đa số DNNY hiện nay, nhóm DN tốt nhất vẫn còn cần nhiều cải thiện đáng kể trong thực hành QTCT theo thông lệ tốt quốc tế. Mặc dù có nhiều doanh nghiệp đã thực thi quản trị tốt và đạt được các kết quả đánh giá cao trong từng lĩnh vực, tuy nhiên việc nâng cao thực hành quản trị tốt trên toàn thị trường, ở tất cả các lĩnh vực quản trị công ty, và tại tất cả các doanh nghiệp niêm yết vẫn cần nhiều nỗ lực phía trước.

Cải thiện quản trị công ty hướng đến hội nhập thị trường vốn trong khu vực và quốc tế là một lộ trình dài hạn đòi hỏi sự quan tâm của nhiều bên hữu quan, đặc biệt là từ lãnh đạo các doanh nghiệp. Ban Tổ chức Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2018 tin tưởng rằng đây là một báo cáo khảo sát có độ tin cậy và có tính thực tiễn cao, là tài liệu các doanh nghiệp niêm yết nên tham khảo trong quá trình xây dựng các chính sách và thực thi các vấn đề về quản trị công ty tại doanh nghiệp mình, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng uy tín của doanh nghiệp trên thị trường và tăng mức độ tin nhiệm nói chung của toàn thị trường chứng khoán Việt Nam.

Xin trân trọng cảm ơn các thành viên Hội đồng bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2018, Trung tâm Nghiên cứu và Hỗ trợ Đào tạo Quản trị Doanh nghiệp – Đại học Bách khoa Tp.HCM, các công ty kiểm toán hàng đầu Deloitte, EY, KPMG, PWC đã hỗ trợ chúng tôi hoàn tất báo cáo này.

Ban Tổ chức Cuộc bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết 2018

1. GIỚI THIỆU CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1.1. GIỚI THIỆU

Là một quốc gia đang trong giai đoạn hội nhập quốc tế trên nhiều mặt, Việt Nam không ngừng đổi mới và cải cách để trở thành một thành viên tích cực trong khu vực và quốc tế, trong đó hội nhập thị trường vốn khu vực và quốc tế là một bước đi quan trọng làm đòn bẩy thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế. Một trong các điều kiện quan trọng thúc đẩy quá trình hội nhập thị trường vốn, thúc đẩy thu hút vốn đầu tư nước ngoài là sự ổn định của môi trường đầu tư vĩ mô, mức độ minh bạch thông tin, và chất lượng của các cơ hội đầu tư.

Trong khu vực ASEAN, Việt Nam nổi bật như là một thị trường đầu tư hấp dẫn với nhiều cơ hội đầu tư có tỷ suất sinh lời hấp dẫn, với hạ tầng và khuôn khổ luật pháp liên tục được cải thiện. Tuy vậy, yếu kém trong minh bạch thông tin và các rủi ro tiềm ẩn từ quản trị công ty có thể ảnh hưởng đến chất lượng và độ an toàn của vốn đầu tư vẫn là những yếu tố cản chân nhà đầu tư trong và ngoài nước. Quản trị công ty là cơ chế kiểm soát rủi ro, cho phép công ty được định hướng và phát triển bền vững, đạt được mục tiêu của mình, từ đó cho phép đảm bảo sẽ đem lại lợi nhuận cho nhà đầu tư như kỳ vọng, cũng như đảm bảo rằng vốn góp của nhà đầu tư sẽ được bảo vệ an toàn và bền vững.

Corporate governance is defined as the structures and processes by which companies are directed and controlled.

Quản trị công ty bao gồm các cấu trúc và qui trình để định hướng và kiểm soát công ty.

- Tổ chức tài chính quốc tế (IFC)

Từ góc độ cơ quan quản lý, Ủy ban chứng khoán nhà nước (SSC), Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) cùng các đơn vị hỗ trợ đã thực hiện nhiều hoạt động thiết thực và có ý nghĩa trong công cuộc cải thiện quản trị công ty của DNNY VN bên cạnh cải thiện môi trường đầu tư. Hoạt động đánh giá tình hình thực hiện quản trị công ty nhằm có được các nhận định hợp lý về thực trạng quản trị của doanh nghiệp, từ đó điều chỉnh các cơ chế kiểm soát của thị trường, điều chỉnh chính sách kịp thời là một trong các hoạt động có ý nghĩa lớn và được áp dụng rộng khắp ở nhiều thị trường, quốc gia trên thế giới.

Hoạt động đánh giá quản trị công ty các doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam đã được thực hiện hàng năm trong giai đoạn 2010-2012 trong khuôn khổ Dự án Thẻ điểm Quản trị công ty Việt Nam với hỗ trợ của Tổ chức tài chính quốc tế (IFC), và Diễn đàn quản trị công ty toàn cầu (GCGF). Việt Nam cũng đã tham gia sáng kiến cải thiện quản trị công ty các doanh nghiệp niêm yết khu vực ASEAN trong khuôn khổ Dự án Thẻ điểm Quản trị công ty ASEAN của Thị trường vốn khu vực ASEAN (ACMF) với hỗ trợ của Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và IFC từ năm 2012.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÁC DNNY VIỆT NAM NĂM 2018

Nâng cao chất lượng quản trị công ty là một trong các yếu tố quan trọng cấu thành nên tam giác phát triển bền vững (ESG – Môi trường, Xã hội và Quản trị công ty), và cũng là các cấu thành quan trọng được các nhà đầu tư quốc tế quan tâm chú trọng đặc biệt trong thời gian gần đây cũng như tương lai dài sắp tới. Để thành công trong thu hút vốn, các doanh nghiệp không chỉ chú trọng đến lợi nhuận, cạnh tranh, mà còn cần nhận thức rõ hơn về vai trò và trách nhiệm xã hội đối với môi trường và cộng đồng trong từng dự án, hoạt động kinh doanh của mình.

Environmental, Social and Governance (ESG) issues can influence investment risk and thus portfolio performance.

Các vấn đề Môi trường, Xã hội, và Quản trị công ty có thể ảnh hưởng đến rủi ro đầu tư và vì vậy ảnh hưởng đến hiệu quả của các danh mục đầu tư.

- Công ty Quản lý quỹ Dragon Capital

Tại Việt Nam, các nỗ lực có ý nghĩa nhằm đánh giá thực hành phát triển bền vững, minh bạch thông tin cũng được thực hiện bởi cơ quan quản lý với sự phối hợp hỗ trợ tích cực của các tổ chức đầu tư, và các tổ chức thị trường độc lập khác. Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên (Annual Report Awards) bắt đầu được thực hiện từ năm 2008 như một hợp tác thành công của nhiều bên, đem lại nhiều tiếng vang, có ý nghĩa lớn, và được thị trường, các doanh nghiệp Việt Nam hưởng ứng nhiệt tình. Cuộc bình chọn này liên tục được phát triển, đưa nhiều thành tố quan trọng của phát triển bền vững vào xem xét, đánh giá, tạo động lực để doanh nghiệp liên tục cải thiện và tăng cường cam kết phát triển bền vững.

Năm 2018, Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên mở rộng thành Cuộc bình chọn doanh nghiệp niêm yết (Vietnam Listed Company Awards) với nội dung đánh giá Quản trị công ty được thực hiện như một nỗ lực trực tiếp đánh giá các khía cạnh quản trị công ty của doanh nghiệp niêm yết Việt Nam. Cuộc bình chọn này do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà nội (HNX), và Báo Đầu tư phối hợp tổ chức với sự tài trợ của Công ty Quản lý quỹ Dragon Capital.

Ý nghĩa, vị thế, tầm ảnh hưởng và chất lượng của Cuộc bình chọn doanh nghiệp niêm yết cho phép nó trở thành thước đo đánh giá nỗ lực của doanh nghiệp, từ đó cung cấp thông tin và cho phép xây dựng kế hoạch, lộ trình từng bước nâng dần nhận thức và các hành động thực tiễn của doanh nghiệp để đạt được mục tiêu phát triển bền vững.

- Ông Lê Hải Trà, Thành viên phụ trách hội đồng quản trị SGDCK TP.HCM, Trưởng ban tổ chức kiêm Chủ tịch Hội đồng bình chọn DNNY.

Thúc đẩy quản trị công ty trên toàn diện thị trường các doanh nghiệp niêm yết là mục tiêu hàng đầu của nỗ lực này, do vậy đòi hỏi cần một sự đánh giá toàn diện các khía cạnh về tình hình thực thi các yêu cầu quản trị công ty của doanh nghiệp niêm yết, từ đó xây dựng lộ trình từng

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÁC DNNY VIỆT NAM NĂM 2018

bước nâng dần nhận thức và thúc đẩy các hành động thực tiễn từ doanh nghiệp và các bên có liên quan trong việc nâng cao chất lượng quản trị công ty.

Quá trình nâng cao quản trị công ty doanh nghiệp niêm yết cho giai đoạn 2018-2019 có mục tiêu *“Nhấn mạnh yêu cầu tuân thủ qui định luật pháp về quản trị công ty, căn bản đáp ứng các thông lệ quản trị tốt của khu vực và quốc tế”*. Với mục tiêu này, các lĩnh vực QTCT được chú trọng đánh giá bao gồm:

- Vai trò Hội đồng quản trị (hoạch định, giám sát thực thi chiến lược, quản trị rủi ro)
- Cấu trúc Hội đồng quản trị (BKS/Tiểu ban kiểm toán; các Tiểu ban chuyên trách của HĐQT)
- Công bố thông tin và minh bạch
- Đảm bảo Quyền cổ đông trong Đại hội đồng cổ đông
- Kiểm soát Giao dịch bên liên quan
- Vai trò các bên hữu quan chính yếu

1.2. CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÁC DNNY VIỆT NAM NĂM 2018

Công tác đánh giá quản trị công ty gồm 5 bước: Xây dựng tiêu chí đánh giá, Chọn mẫu doanh nghiệp đánh giá, Thực hiện đánh giá sơ khảo, Thực hiện đánh giá soát xét, Thực hiện đánh giá chung khảo.



Bước 1. Xây dựng tiêu chí

Tiêu chí đánh giá quản trị công ty được xây dựng dựa trên khuôn khổ qui định pháp luật Việt Nam về quản trị công ty tại các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam và dựa trên bộ nguyên tắc quản trị công ty được công nhận rộng rãi trên thế giới do G20/OECD ban hành. Bộ tiêu chí này cũng tham khảo Bộ tiêu chí của Thẻ điểm QTCT ASEAN (ACGS) bản cập nhật năm 2017-2018.

Bước 2. Chọn mẫu doanh nghiệp được đánh giá

Mẫu doanh nghiệp đánh giá được Ban tổ chức và Hội đồng bình chọn chọn là mẫu doanh nghiệp đại diện cho thị trường chứng khoán Việt Nam bao gồm toàn bộ các doanh nghiệp niêm yết trên HOSE và HNX thuộc rổ chỉ số VNX Allshare tại kỳ công bố tháng 4/2018 gồm 485 doanh nghiệp (gồm 279 DN thuộc HOSE và 206 DN thuộc HNX). Việc sử dụng các doanh nghiệp trong bộ chỉ số này làm mẫu đánh giá có ý nghĩa quan trọng, làm cơ sở cho việc bình

chọn doanh nghiệp xứng đáng nhận giải thưởng quản trị công ty tốt đại diện cho doanh nghiệp niêm yết Việt Nam.

Bước 3. Đánh giá sơ khảo

Công tác đánh giá quản trị công ty của DNNY được thực hiện theo phương pháp thu thập thông tin độc lập, khách quan từ bên ngoài, tập hợp các tài liệu của DNNY được công bố cho các cổ đông và các bên hữu quan. Dựa vào bộ tiêu chí QTCT, công tác đánh giá được thực hiện nhằm có những kết quả đánh giá chi tiết và chung nhất cho tình hình thực thi quản trị công ty tại từng doanh nghiệp dựa trên thông tin đến từ rất nhiều nguồn, bao gồm trang thông tin điện tử của công ty, của Ủy ban chứng khoán và các Sở giao dịch, từ các báo cáo thường niên, báo cáo phát triển bền vững, điều lệ, qui chế quản trị công ty, tài liệu, biên bản, nghị quyết đại hội cổ đông... Công tác đánh giá sơ khảo được Nhóm nghiên cứu Quản trị công ty của Trung tâm nghiên cứu và đào tạo quản trị doanh nghiệp (BR&T), Đại học Bách Khoa TP.HCM - đơn vị đã có nhiều năm kinh nghiệm và uy tín trong các hoạt động nghiên cứu, tư vấn quản trị công ty - thực hiện.

Nội dung đánh giá là các tài liệu báo cáo cổ đông về tình hình năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và tài liệu mùa Đại hội cổ đông năm 2018. Thời điểm chấm dứt thu thập thông tin thực hiện đánh giá là ngày 15/7/2018.

Bước 4: Đánh giá soát xét

Kết quả đánh giá sơ khảo được kiểm tra bởi các công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu, bao gồm 4 công ty kiểm toán: Deloitte, EY, KPMG, và PWC. Quá trình soát xét là quá trình kiểm tra chéo độc lập thực hiện bởi các đơn vị có kinh nghiệm tư vấn doanh nghiệp về nhiều khía cạnh trong đó có quản trị công ty. Quá trình này cho phép đảm bảo kết quả đánh giá và các khác biệt về quan điểm đánh giá giữa các bên độc lập được rút ngắn, cho phép thống nhất quan điểm đánh giá và đảm bảo kết quả sau cùng là hợp lý và đáng tin cậy.

Bước 5: Đánh giá chung khảo

Trên cơ sở kết quả sau soát xét, Hội đồng bình chọn quyết định các doanh nghiệp có điểm số đánh giá cao nhất của từng nhóm doanh nghiệp theo qui mô (lớn, vừa, và nhỏ) của vòng soát xét sẽ vào chung khảo. Hội đồng bình chọn dựa vào kết quả chấm sơ khảo, kết quả soát xét của các công ty kiểm toán và qua thảo luận đánh giá nhiều mặt, để đi đến bình chọn ra các doanh nghiệp có điểm QTCT cao nhất của mỗi nhóm vốn hoá để trao giải. Hội đồng bình chọn gồm các thành viên:

1. Ông Lê Hải Trà, Thành viên phụ trách HĐQT SGDCK TP.HCM – Chủ tịch Hội đồng bình chọn
2. Ông Nguyễn Vũ Quang Trung, Phó Tổng Giám đốc Phụ trách SGDCK TP.HCM – Thành viên
3. Ông Lê Công Điền, Vụ trưởng Vụ Giám sát công ty đại chúng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước – Thành viên
4. Ông Nguyễn Sơn, Chủ tịch Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam – Thành viên
5. Ông Nguyễn Tuấn Anh, Phó Tổng Giám đốc SGDCK Hà Nội – Thành viên
6. PGS.TS Đặng Văn Thanh, Chủ tịch Hội kế toán và Kiểm toán Việt Nam – Thành viên
7. GS.TS Trần Ngọc Thơ, Đại học Kinh tế TP.HCM – Thành viên
8. Bà Nguyễn Nguyệt Anh, Đại diện Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC) – Thành viên
9. Nhà báo Phạm Oanh, Trưởng Ban chứng khoán Báo Đầu tư – Thành viên.

1.3. CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY

Một hệ thống quản trị công ty hiệu quả được xây dựng trên nền tảng bốn giá trị: Tính minh bạch cao, Tính giải trình, Vai trò Trách nhiệm, và Sự công bằng.



Hình 1.1: Hệ thống các giá trị quản trị công ty

Dựa trên các giá trị cốt lõi này, các nguyên tắc quản trị công ty được xây dựng. Tổ chức OECD lần đầu tiên đã xây dựng bộ nguyên tắc quản trị công ty tốt năm 1999 và đã trở thành tài liệu tham chiếu chung trên nhiều quốc gia trên toàn thế giới, giúp các nhà hoạch định chính sách đánh giá và cải thiện khuôn khổ pháp lý và thể chế liên quan đến quản trị công ty, giúp doanh nghiệp nhận diện, đánh giá và xây dựng kế hoạch cải thiện quản trị trong phạm vi các hoạt động của mình. Bộ nguyên tắc QTCT của OECD đã qua nhiều lần cải thiện, phiên bản nhất mới do G20/OECD ban hành năm 2015 có 6 nguyên tắc, bao gồm:

1. Bảo đảm cơ sở cho một khuôn khổ quản trị công ty hiệu quả
2. Quyền của cổ đông, đối xử công bằng với cổ đông và các chức năng sở hữu cơ bản
3. Các nhà đầu tư tổ chức, thị trường chứng khoán và các trung gian khác
4. Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty
5. Công bố thông tin và tính minh bạch
6. Trách nhiệm của hội đồng quản trị.

Ở cấp độ doanh nghiệp, có bốn nguyên tắc quản trị tốt thuộc phạm vi kiểm soát của doanh nghiệp, có thể là cơ sở để doanh nghiệp triển khai các hành động cải thiện quản trị hiệu quả, thiết thực. Các nguyên tắc này bao gồm: Quyền của cổ đông, đối xử công bằng với cổ đông và các chức năng sở hữu cơ bản, Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty, Công bố thông tin và tính minh bạch, và Trách nhiệm của hội đồng quản trị.



Hình 1.2: Bốn nguyên tắc quản trị công ty thuộc phạm vi doanh nghiệp

Trong các nguyên tắc này, Công bố và minh bạch thông tin là nguyên tắc cốt lõi xuyên suốt trong các hành động, quy trình, quyết định được doanh nghiệp thực hiện. Tính minh bạch và cam kết công bố kịp thời các thông tin quan trọng của doanh nghiệp cần được thẩm nhận bởi ban điều hành và các cấp lãnh đạo doanh nghiệp, cho phép các hoạt động bên trong doanh nghiệp được cập nhật kịp thời cho nhà đầu tư.

Các nguyên tắc Đảm bảo quyền cổ đông, Đảm bảo vai trò các bên hữu quan trong quản trị công ty cũng như nguyên tắc Công bố và minh bạch thông tin được đảm bảo bởi vai trò và trọng trách quan trọng rất lớn của Hội đồng quản trị.

1.4. BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Cơ sở xây dựng bộ tiêu chí quản trị công ty Việt Nam

Bộ tiêu chí đánh giá quản trị công ty được dựa trên các nguyên tắc quản trị tốt do G20/OECD xây dựng. Được thiết kế nhằm đánh giá chất lượng Quản trị công ty trên hai cấp độ (1) Đánh giá mức độ tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam về QTCT dành cho công ty đại chúng và (2) Đánh giá mức độ đáp ứng các thông lệ tốt về QTCT dựa trên Các Nguyên tắc Quản trị Công ty của OECD/G20 năm 2015.

Bên cạnh các tiêu chí căn bản đánh giá mức độ tuân thủ luật pháp của doanh nghiệp – gọi là các tiêu chí cấp 1, hệ thống tiêu chí cấp 2 về Áp dụng các thông lệ là các tiêu chí nâng cao, không bao gồm trong luật định và các văn bản pháp quy hiện hành, đây là các thông lệ tốt để đảm bảo giúp xây dựng qui trình, cấu trúc quản trị tốt, thực thi và giám sát hiệu quả hoạt động

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÁC DNNY VIỆT NAM NĂM 2018

điều hành doanh nghiệp, dung hoà lợi ích trong mối quan hệ với các bên hữu quan, đảm bảo quyền lợi nhà đầu tư và đảm bảo một quá trình phát triển liên tục và bền vững.

Bộ tiêu chí này được Ban tổ chức xây dựng thông qua tham khảo các tài liệu sau đây:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng;
- Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Bộ Nguyên tắc Quản trị công ty năm 2015 của OECD/G20.
- Bộ tiêu chí đánh giá của Thẻ điểm QTCT ASEAN phiên bản 2017-2018.

Nội dung bộ tiêu chí Quản trị công ty Việt Nam

Bộ tiêu chí đánh giá quản trị công ty có cấu trúc 2 cấp:

- ❖ Cấp 1 bao gồm các thực hành QTCT căn bản:
 - Các tiêu chí mang tính tuân thủ: được xây dựng nhằm đánh giá mức độ tuân thủ các qui định luật pháp của VN về QTCT
 - Các tiêu chí mang tính thông lệ: được xây dựng nhằm đáp ứng các thông lệ quản trị quốc tế, dựa trên các chuẩn mực QTCT quốc tế do G20/OECD xây dựng.
- ❖ Cấp 2 bao gồm các thực hành QTCT đáng được ghi nhận và khích lệ đặc biệt, cũng như những vi phạm quản trị trọng yếu cần được ngăn ngừa.

Nguồn thông tin đánh giá

Nguồn thông tin đánh giá là các nguồn thông tin được công bố rộng rãi cho thị trường. Các tài liệu được thu thập làm nguồn thông tin đánh giá có từ nhiều nguồn khác nhau, có thể liệt kê gồm: Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị công ty, Tài liệu đại hội cổ đông thường niên, Biên bản, Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên, Nghị quyết Hội đồng quản trị, Báo cáo phát triển bền vững, trang thông tin điện tử của công ty, của các Sở và Ủy ban chứng khoán, các nội dung công bố thông tin khác của doanh nghiệp,..

Nội dung tiêu chí cấp 1:

Về cơ cấu theo tính chất, Bộ tiêu chí cấp 1 hướng đến mục tiêu đánh giá tính tuân thủ của doanh nghiệp (với 2/3 số câu mang tính tuân thủ) đối với các quy định pháp luật; đồng thời đánh giá, phân loại được các doanh nghiệp vượt trội trong việc áp dụng các thông lệ quốc tế tốt về quản trị công ty (với 1/3 số lượng câu hỏi mang tính thông lệ). Do vậy bộ tiêu chí cấp 1 bao gồm 69 câu hỏi, được phân bổ cho hai lĩnh vực: số câu hỏi Tuân thủ là 42 câu với tỉ trọng điểm 70% và số câu hỏi mang tính thông lệ là 27 câu với tỉ trọng điểm 30%.

Về cơ cấu theo nội dung nguyên tắc quản trị công ty, trong năm 2017, Chính Phủ và Bộ Tài chính đã ban hành hai văn bản pháp quy liên quan đến việc hướng dẫn các vấn đề về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng là Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 và Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017, trong đó quy định chi tiết nhiều điều khoản nhấn mạnh việc đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông và gia tăng vai trò của Hội đồng Quản trị. Do đó, căn cứ trên các định hướng, quy định từ các điều khoản đó, số lượng các câu hỏi liên quan đến HĐQT và Ban kiểm soát (Phần D) trong Bộ tiêu chí chiếm đa số hơn (chiếm 38% tổng số tiêu chí), đảm bảo đánh giá toàn diện tính tuân thủ của doanh nghiệp. Phần A và C với số lượng câu hỏi cân bằng (mỗi phần chiếm 26% tổng số tiêu chí) do tính minh bạch và tuân thủ công bố thông tin, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông là phần trọng yếu đối với doanh nghiệp niêm yết. Các câu hỏi trong bộ thẻ điểm QTCT cũng được xây dựng căn cứ Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán làm cơ sở cho các câu hỏi phần C và các phần còn lại.

Riêng Phần B *Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan* có số lượng câu hỏi ít nhất 7/69 (10%) chủ yếu mang tính định hướng theo thông lệ quốc tế được hướng dẫn trong Bộ nguyên tắc về QTCT của OECD/G20 nhằm định hướng doanh nghiệp tăng cường tiếp cận và đảm bảo sự tham gia của các bên có quyền lợi liên quan vào trong việc xây dựng chính sách cũng như các thực hành khác của doanh nghiệp.

Do vậy Bộ tiêu chí cấp 1 có 69 câu hỏi bao trùm 4 nguyên tắc quản trị công ty của G20/OECD ở cấp độ doanh nghiệp, gồm 4 nội dung sau:

- A. Quyền & Đối xử công bằng với các cổ đông và các chức năng sở hữu cơ bản gồm 18 câu;
- B. Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan gồm 7 câu;
- C. Công bố thông tin và minh bạch gồm 18 câu;
- D. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị gồm 26 câu.

Nội dung tiêu chí cấp 2:

Ở các câu hỏi cấp 2, các thông lệ quản trị tốt được khuyến khích áp dụng. Có 2 câu hỏi thông lệ tốt, nếu DN đạt thì được 2 điểm mỗi câu. Bên cạnh đó có các vi phạm quản trị trọng yếu cần được ngăn ngừa. Có 6 câu hỏi trừ điểm, nếu công ty vi phạm các trường hợp này sẽ bị trừ từ 1 đến 3 điểm mỗi câu tùy mức độ vi phạm.

Bảng 1.1: Cấu trúc bộ tiêu chí đánh giá Quản trị công ty năm 2018

NỘI DUNG BỘ CÂU HỎI	SỐ TIÊU CHÍ	ĐIỂM TỐI ĐA
CÂU HỎI CẤP 1:		
Phân loại theo tính chất Tuân thủ/Thông lệ		
<i>Mang tính tuân thủ</i>	42	70
<i>Mang tính thông lệ tốt</i>	27	30
Phân loại theo Nguyên tắc quản trị công ty của OECD		
<i>A - Quyền cổ đông và Đối xử công bằng giữa các cổ đông</i>	18	Không có trọng số tiêu phần
<i>B - Vai trò các bên hữu quan</i>	7	
<i>C - Công bố và minh bạch</i>	18	
<i>D - Vai trò, trách nhiệm HĐQT</i>	26	
Tổng cộng Cấp 1	69	100
CÂU HỎI CẤP 2:		
Câu cộng điểm	2	+4
Câu trừ điểm	6	-18
Tổng cộng Cấp 2	8	[-18, +4]
TỔNG CỘNG THỂ ĐIỂM	77	104

Thang điểm đánh giá

Thang điểm đánh giá được áp dụng theo phương pháp sau:

- Đối với câu hỏi mang tính tuân thủ: điểm số sẽ ở các mức 0-1-2. Công ty tuân thủ tốt quy định, có thông tin đầy đủ và rõ ràng sẽ được 2 điểm; tuân thủ một phần của quy định, thông tin chưa đầy đủ và rõ ràng được 1 điểm; và không tuân thủ hoặc không tìm được thông tin thì được 0 điểm
- Đối với câu hỏi mang tính thông lệ: điểm số sẽ ở các mức 0-1, có áp dụng thông lệ được 1 điểm, ngược lại 0 điểm.

2. NỘI DUNG PHÂN TÍCH QUẢN TRỊ CÔNG TY VIỆT NAM NĂM 2018

2.1. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY TỔNG QUAN

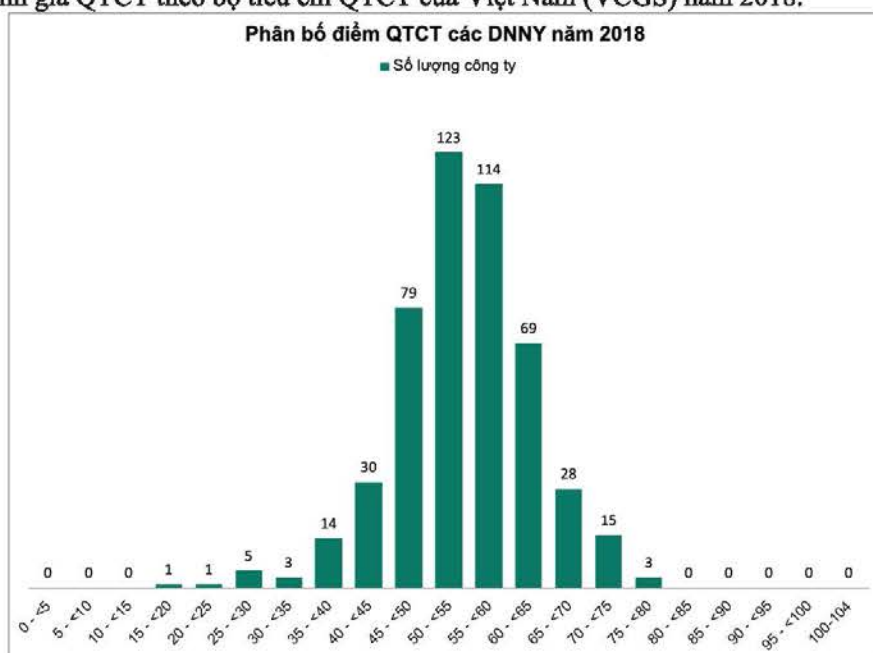
Phương pháp chọn mẫu

Mẫu đánh giá QTCT trong năm 2018 là các DNNY có tính đại diện cho thị trường chứng khoán Việt Nam được niêm yết trên hai sàn chứng khoán Hồ Chí Minh và Hà Nội, bao gồm toàn bộ doanh nghiệp nằm trong danh mục của chỉ số VNX Allshare – là các DN đảm bảo các tiêu chí về vốn hóa, tỉ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. Việc chọn lựa Mẫu đánh giá QTCT là toàn bộ doanh nghiệp trong VNX Allshare là phù hợp với thông lệ tốt, với mục đích cung cấp thông tin cơ sở cho thị trường về hình ảnh chất lượng quản trị của tất cả các DNNY Việt Nam, làm cơ sở tin cậy cho việc xây dựng các khuyến nghị để tiếp tục thúc đẩy thị trường hướng đến các chuẩn mực QTCT tốt, các chuẩn mực phát triển bền vững.

Danh sách các DNNY đánh giá năm 2018 bao gồm 485 DNNY của VNX Allshare được bao gồm trong rô chỉ số kỳ tháng 4/2018. Phân nhóm theo qui mô vốn hoá, mẫu đánh giá gồm 485 DNNY này được phân thành 3 nhóm: Nhóm DNNY có qui mô lớn (gồm 50 DN), Nhóm DNNY có qui mô vừa (gồm 150 DN); và Nhóm DNNY có qui mô nhỏ (gồm 285 DN còn lại). Tổng giá trị vốn hoá của 485 DNNY tại thời điểm 23/4/2018 (thời điểm áp dụng rô chỉ số VNX Allshare kỳ tháng 4/2018) là 2.895.009 tỷ đồng, chiếm 91% tổng giá trị vốn hóa của toàn bộ DNNY trên hai sở giao dịch chứng khoán HOSE và HNX.

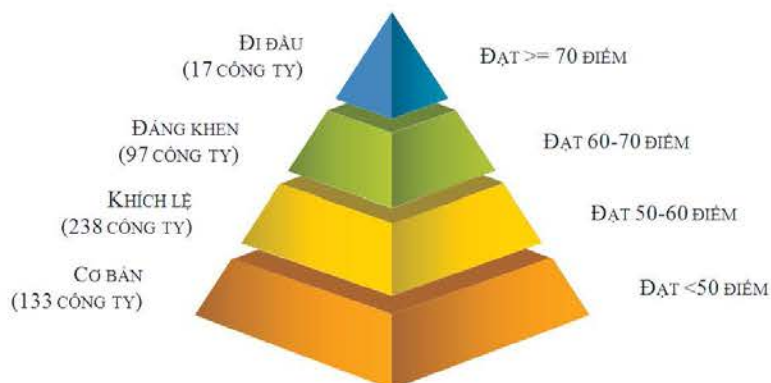
Phân bố điểm QTCT của các DNNY Việt Nam

Biểu đồ phân bố điểm QTCT cho thấy một bức tranh tổng quát về tình hình đáp ứng chuẩn mực đánh giá QTCT theo bộ tiêu chí QTCT của Việt Nam (VCGS) năm 2018.



Hình 2.1 – Phân bố số lượng doanh nghiệp ở các mức điểm QTCT từ thấp đến cao.

Hình 2.1 cho thấy với thang điểm đánh giá [0 - 104] thì phần lớn DN đạt điểm trong khoảng 50 -70 điểm. Có tổng cộng 335 DN đạt mức điểm từ 50 đến 70 điểm, chiếm 70% tổng số DN được đánh giá. Số DN đạt điểm trên 70 điểm là 17 DN chiếm gần 4% tổng số DN được đánh giá. Điều này cho thấy với bộ tiêu chí QTCT Việt Nam, các DNNY cần có nhiều cố gắng để đạt được các mức điểm cao về QTCT. Nhóm doanh nghiệp có điểm cao nhất nằm ở khoảng điểm 75-80 điểm. Kết quả này cho thấy DN tốt nhất vẫn còn cần nhiều cải thiện đáng kể trong thực hành QTCT theo thông lệ tốt quốc tế.



Hình 2.2: Tháp quản trị công ty tốt gồm các nhóm DN đạt các cấp độ quản trị công ty

Hình 2.2 cho thấy khi phân nhóm DN theo các nhóm điểm, có thể thấy nhóm Đi đầu là 17 DN đạt điểm trên 70, doanh nghiệp nhóm Đáng khen gồm 97 công ty có mức điểm từ 60 đến 70 điểm; nhóm Khích lệ gồm 238 công ty có mức điểm từ 50 đến 60 điểm; và nhóm Cơ bản gồm 133 công ty có mức điểm ít hơn 50 điểm.

Kết quả này cho thấy việc đáp ứng tốt QTCT theo tiêu chuẩn thẻ điểm QTCT của Việt Nam (VCGS) vẫn còn là thách thức đối với đa số DNNY hiện nay. Trong số các DN được đánh giá, điểm cần lưu ý là số lượng DN đạt điểm dưới trung bình vẫn còn đáng kể, là 133 DN (chiếm hơn ¼ các DN được đánh giá).

Đánh giá thực thi quản trị công ty theo qui định và thông lệ tốt

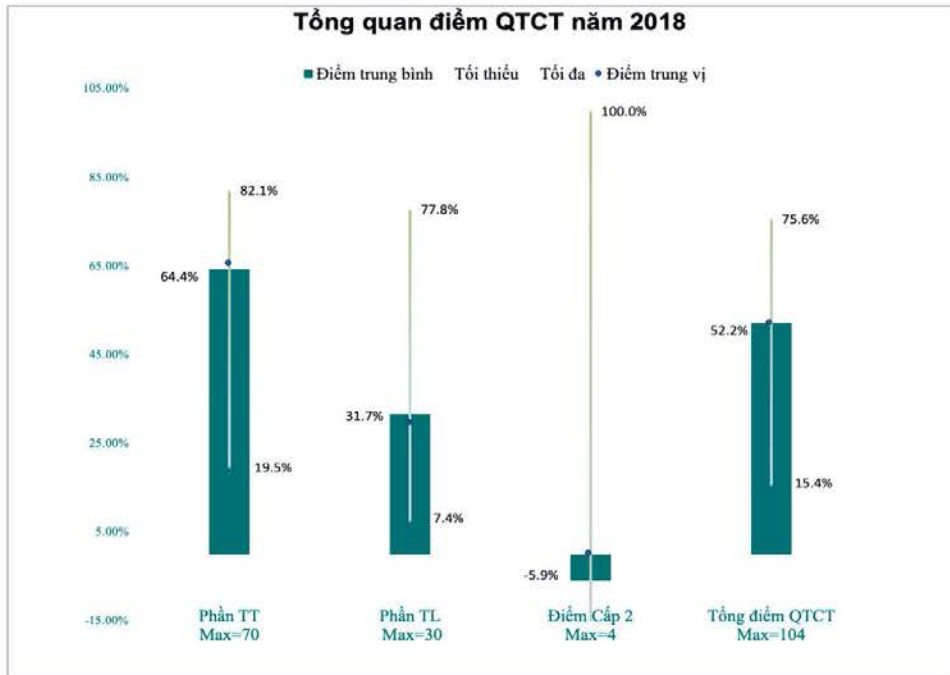
VCGS được xây dựng dựa trên các chuẩn mực quản trị luật định (các câu hỏi Tuân thủ trong thẻ điểm) và các chuẩn mực quản trị tiến bộ (các câu hỏi Thông lệ trong thẻ điểm). Do vậy việc phân tích tình hình thực thi QTCT theo hai chuẩn mực Tuân thủ và Thông lệ cũng đem lại một số nhận định thú vị về khả năng đáp ứng của DN theo các chuẩn mực này. Bảng 2.1 trình bày điểm Tuân thủ và Thông lệ theo mức điểm đạt được. Hình 2.3 trình bày biểu đồ tỉ lệ đáp ứng (theo %) mức điểm tối đa cho tính chất tuân thủ và thông lệ.

Bảng 2.1: Điểm QTCT – Phân theo câu tuân thủ và thông lệ.

	Phần TT Max=70	Phần TL Max=30	Điểm Cấp 2 Max=4	Tổng điểm QTCT Max=104
Điểm trung bình	45.1	9.5	-0.2	54.3
Tối thiểu	13.7	2.2	-5.0	16.0
Tối đa	57.5	23.3	4.0	78.7
Điểm trung vị	45.8	8.9	0.0	54.3

Cụ thể, DNNY đạt được điểm trung bình là 45.1 điểm cho phần Tuân thủ, tức đạt được 64.4% yêu cầu tuân thủ (phần TT có điểm tối đa là 70 điểm). Tuy nhiên mức độ đáp ứng các thông lệ quốc tế tốt là còn rất thấp. Các DNNY chỉ đạt được 9.5 điểm cho phần Thông lệ, tức đạt được 31.7% yêu cầu của thông lệ tốt (phần TL có điểm tối đa là 30 điểm).

Ở các tiêu chuẩn cấp 2 – đáp ứng thông lệ tốt, kết quả cho thấy có doanh nghiệp đáp ứng được cao nhất các yêu cầu thông lệ tốt và đạt 4 điểm, có doanh nghiệp bị mất nhiều nhất là 5 điểm do vi phạm các lĩnh vực trọng yếu. Trung bình các doanh nghiệp mất 0.2 điểm ở phần tiêu chí cấp 2 này. Đây là bằng chứng cho thấy có thể tiếp tục thúc đẩy quản trị tốt theo thông lệ quốc tế ở các DN Việt Nam để DN có thể đạt điểm cao hơn ở phần tiêu chuẩn cấp 2.



Hình 2.3 Tổng quan tỉ lệ đáp ứng yêu cầu QTCT phân theo các yêu cầu Tuân thủ và Thông lệ

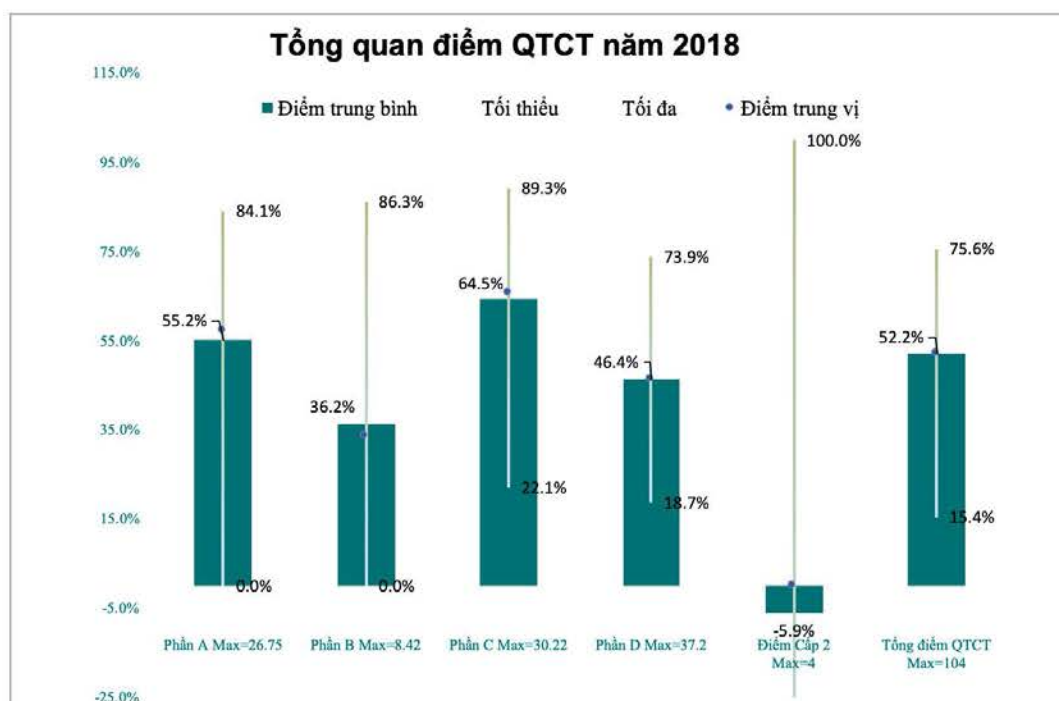
Điểm trung bình QTCT của toàn bộ các DN được đánh giá đạt 54.33 điểm, tức đạt 52.2% so với thang điểm tối đa có thể đạt được (điểm tối đa là 104 điểm). Doanh nghiệp có điểm QTCT

cao nhất là 78.7 điểm (đạt 75.6% thang điểm tối đa). Doanh nghiệp có điểm QTCT thấp nhất là 16 điểm (đạt 15.38% thang điểm tối đa).

Đánh giá chi tiết từng lĩnh vực quản trị công ty theo nguyên tắc G20/OECD

Hình 2.4 trình bày điểm theo từng lĩnh vực QTCT theo bộ nguyên tắc QTCT của G20/OECD. Biểu đồ điểm từng lĩnh vực QTCT cho thấy tình hình thực thi QTCT theo từng nguyên tắc QTCT của G20/OECD, và phân theo 2 cấp độ đánh giá. Gồm câu hỏi cấp 1 chia thành các nhóm nguyên tắc:

- Lĩnh vực A - Đảm bảo quyền và đối xử công bằng giữa các cổ đông, với số điểm tối đa đạt được là 26.75 điểm;
- Lĩnh vực B - Vai trò các bên có quyền lợi liên quan, với số điểm tối đa đạt được là 8.42 điểm;
- Lĩnh vực C - Công bố thông tin và tính minh bạch, với số điểm tối đa đạt được là 30.22 điểm;
- Lĩnh vực D – Trách nhiệm của hội đồng quản trị, với số điểm tối đa đạt được là 37.2 điểm;



Hình 2.4: Tổng quan tỉ lệ đáp ứng yêu cầu QTCT theo từng nguyên tắc của OECD

Kết quả đánh giá QTCT cho thấy tổng điểm QTCT trung bình các DNNY đạt 52.2% tổng điểm. Trong đó ở phần câu hỏi cấp 1, trung bình các doanh nghiệp đạt 55.2% yêu cầu về Đảm bảo quyền và đối xử công bằng giữa các cổ đông (nguyên tắc A) với công ty có điểm cao nhất có đạt 84.1% yêu cầu.

Về vai trò các bên có quyền lợi liên quan (nguyên tắc B), các công ty đạt trung bình 36.2% yêu cầu. Công ty có điểm cao nhất đạt 86.3% yêu cầu.

Về Công bố thông tin và tính minh bạch (nguyên tắc C), các công ty đạt trung bình 64.5% các yêu cầu, công ty đạt điểm cao nhất đáp ứng được 89.3% các yêu cầu, công ty đạt điểm thấp nhất đạt 22.1% các yêu cầu.

Về khía cạnh Trách nhiệm của hội đồng quản trị (nguyên tắc D), các công ty đạt trung bình 46.4% các yêu cầu, công ty đạt điểm cao nhất đáp ứng được 73.9% các yêu cầu, công ty đạt điểm thấp nhất đạt 18.7% các yêu cầu.

Kết quả đánh giá chung mặt bằng các doanh nghiệp cho thấy mức độ đáp ứng các nguyên tắc quản trị công ty còn khá khiêm tốn. Mặc dù có nhiều doanh nghiệp đã thực thi quản trị tốt và đạt được các kết quả đánh giá cao trong từng lĩnh vực, tuy nhiên việc nâng cao thực hành quản trị tốt trên toàn thị trường, ở tất cả các lĩnh vực quản trị công ty, và tại tất cả các doanh nghiệp niêm yết vẫn cần nhiều nỗ lực phía trước. Để có thể được nhận diện tốt trong khu vực và quốc tế như là một cơ hội đầu tư hiệu quả và có chất lượng, an toàn, lành mạnh, minh bạch, DNNY cần cố gắng nhiều hơn để đáp ứng được các nguyên tắc quản trị công ty tốt của nhà đầu tư quốc tế mới có thể thu hút được vốn đầu tư dồi dào.

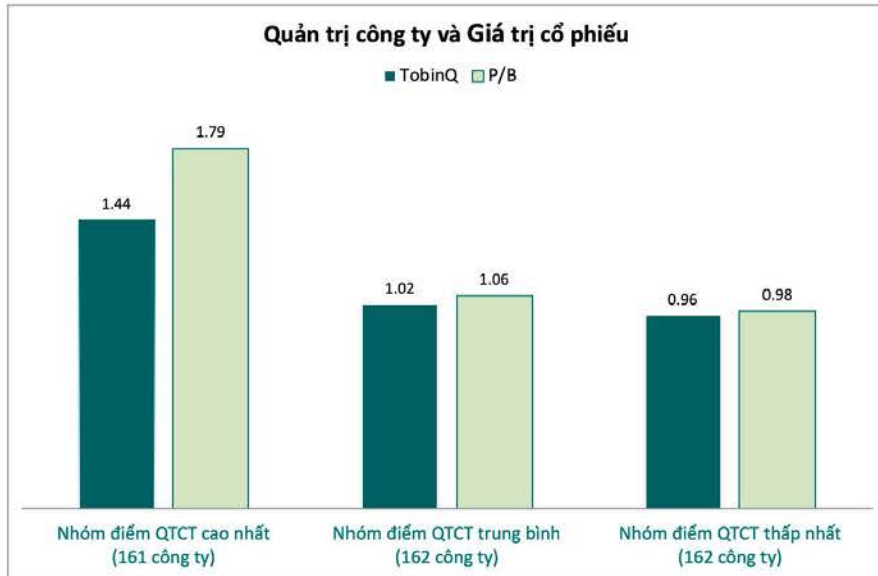
2.2. LỢI ÍCH CỦA QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị công ty và thị giá của cổ phiếu

Mục tiêu đầu tư của nhà đầu tư không chỉ ở khả năng sinh lợi của vốn đầu tư, mà còn ở mức độ an toàn vốn, kiểm soát đồng vốn đầu tư còn là mục tiêu quan trọng tiên quyết. QTCT tốt là cơ sở để nhà đầu tư đặt niềm tin vào doanh nghiệp. QTCT tốt làm tăng niềm tin của nhà đầu tư, tăng kỳ vọng nắm giữ cổ phiếu dài hạn. Với chất lượng QTCT tốt, các DNNY được nhà đầu tư săn đón nhiều hơn, được nhà đầu tư nắm giữ cổ phiếu dài hạn hơn, kể cả trong giai đoạn phát triển của thị trường lẫn giai đoạn thị trường gặp khó khăn. Do vậy QTCT tốt được kỳ vọng sẽ làm tăng giá trị cổ phiếu và giá trị DN. Phân tích sau sẽ cho thấy điều này.

Mẫu các DN được đánh giá được chia thành 3 nhóm từ cao đến thấp theo điểm QTCT. Phân tích tương quan tỉ số P/B và Tobin's Q của 3 nhóm DN này được trình bày trong Hình 2.5. Kết quả cho thấy nhóm DN có điểm QTCT cao cũng là nhóm DN có tỉ số P/B (giá cổ phiếu chia cho giá trị bút toán của cổ phiếu) cao nhất, đạt 1.79. Điều này có nghĩa là cổ đông sẵn sàng trả mức giá gấp 1,79 lần giá trị bút toán của cổ phiếu của công ty thuộc nhóm có chất lượng QTCT tốt nhất.

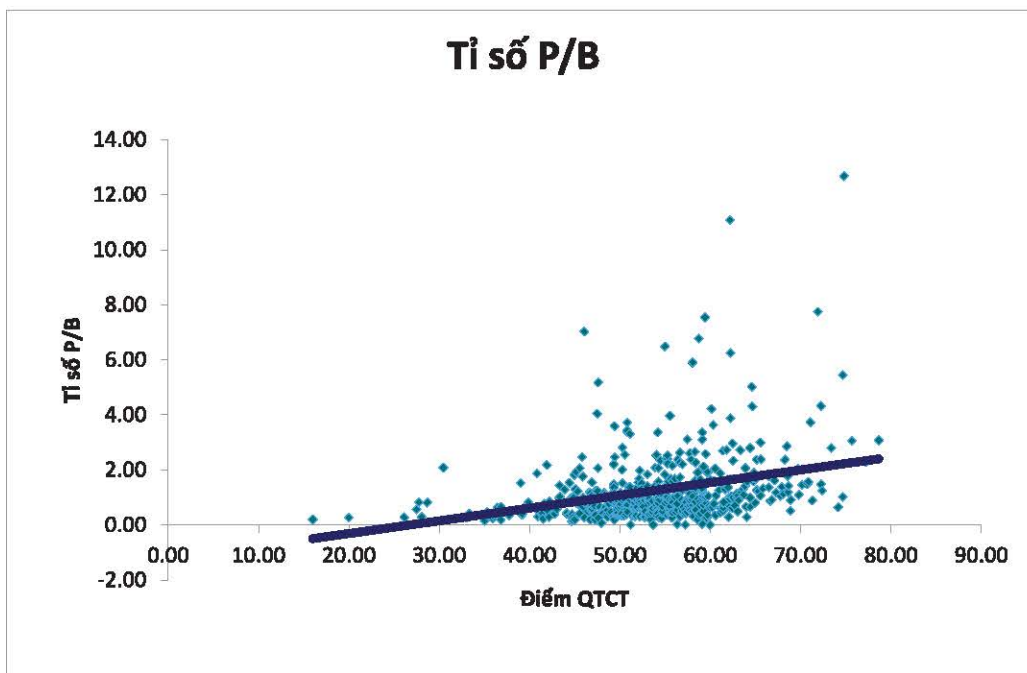
Nhóm DN có điểm QTCT trung bình có tỉ số P/B thấp hơn đáng kể là 1.07. Điểm chú ý là nhóm DN có điểm QTCT thấp nhất có P/B là 0.98, nhỏ hơn 1. Nhà đầu tư trả mức giá thấp hơn giá trị bút toán của cổ phiếu khi đầu tư vào các công ty này.



Hình 2.5: Tỷ số Tobin's Q và P/B của các nhóm doanh nghiệp

Kết quả tương tự với tỷ số Tobin's Q là tỷ số đo lường giá trị thị trường so với giá trị bút toán của công ty (tức là bao gồm giá trị vốn hoá cổ đông và giá trị nợ vay). Tương tự như kết quả phân tích tỷ số P/B, tỷ số Tobin's Q của nhóm có điểm QTCT cao nhất là 1.44, giá trị thị trường tổng tài sản của các công ty này cao hơn 1.44 lần giá trị bút toán.

Nhóm DN có điểm QTCT trung bình có tỷ số Tobin's Q thấp hơn đáng kể là 1.02. Điểm chú ý là nhóm DN có điểm QTCT thấp nhất có Tobin's Q là 0.96, nhỏ hơn 1. Các kiểm chứng thống kê cho thấy khác biệt tỷ số P/B và Tobin's Q giữa nhóm có điểm QTCT cao nhất là cao hơn có ý nghĩa thống kê so với nhóm có điểm trung bình và thấp nhất ở mức ý nghĩa 5%. Chênh lệch các tỷ số này không có khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm có điểm QTCT trung bình và thấp.



Hình 2.6: Mối tương quan giữa điểm QTCT và tỉ số P/B

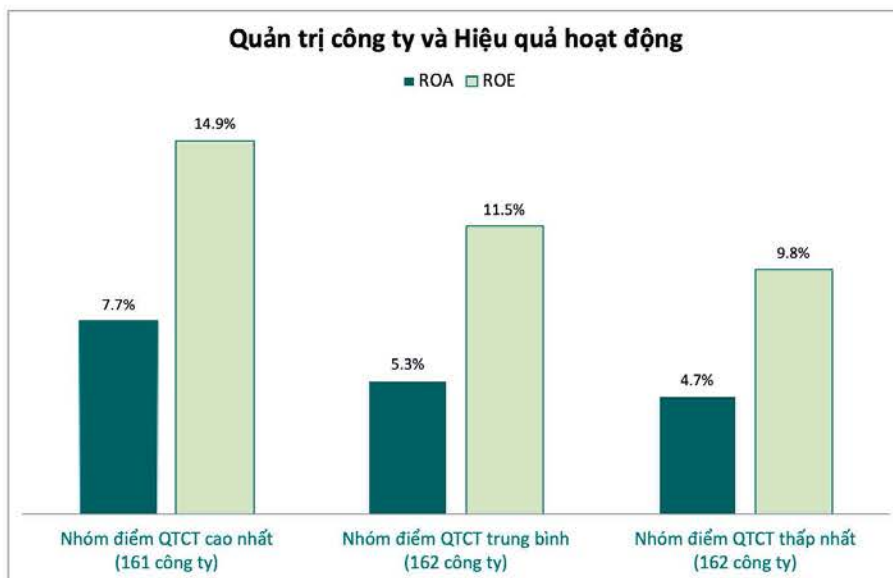
Hình 2.6 cho thấy mối tương quan thuận giữa điểm QTCT và thị giá cổ phiếu. Trục hoành của đồ thị thể hiện điểm QTCT của DN, trục tung thể hiện tỉ số P/B. Các điểm phân tán cho thấy có sự tương quan thuận giữa điểm QTCT và thị giá cổ phiếu. Mối tương quan này đã được kiểm soát cho các tác động có thể có của các khác biệt do yếu tố đặc thù của doanh nghiệp gây ra, bao gồm yếu tố quy mô, tăng trưởng, khả năng sinh lợi và đòn bẩy tài chính. Do vậy tương quan này trực tiếp mô tả lợi ích của quản trị tốt lên việc tăng giá của cổ phiếu, cho phép khẳng định lợi ích gia tăng giá trị của cổ phiếu khi cải thiện QTCT của DN. DN càng cải thiện quản trị tốt sẽ càng gia tăng niềm tin của nhà đầu tư, từ đó cổ phiếu và giá trị công ty sẽ được định giá cao hơn. Các kiểm chứng thống kê về ý nghĩa mô hình hồi qui, và độ ý nghĩa của hệ số tác động của điểm QTCT đối với tỉ số P/B cho thấy các kết luận về tương quan giữa điểm QTCT và tỉ số P/B là có ý nghĩa ở mức 5%. Nói cách khác, các kết luận này là tin cậy được.

Quản trị công ty và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp

Quản trị công ty tốt không chỉ đem lại niềm tin cho nhà đầu tư, mà còn giúp DN kiểm soát tốt hơn các mối quan hệ, ngăn ngừa sai phạm và rủi ro, từ đó đem lại hiệu quả vận hành. Phân tích tương quan giữa điểm QTCT và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp cho thấy điều này.

Hình 2.7 cho thấy nhóm DN có điểm QTCT cao nhất cũng là nhóm có hiệu quả hoạt động cao nhất, đo lường bằng ROA và ROE. Cụ thể các DN có điểm QTCT cao nhất đạt thành quả ROA trung bình 7.72%, ROE đạt 14.97% trong năm 2017. DN có điểm QTCT trung bình đạt ROA và ROE lần lượt là 5.38% và 11.42%. Và nhóm DN có điểm QTCT thấp nhất có mức ROA và ROE lần lượt là 4.66% và 9.76%. Đầu tư cho QTCT tốt không chỉ đem lại gia tăng giá trị thị trường của doanh nghiệp mà còn giúp doanh nghiệp cải thiện hiệu quả hoạt động. Các kiểm chứng thống kê cho thấy khác biệt tỉ số ROA và ROE giữa nhóm có điểm QTCT cao nhất là

cao hơn có ý nghĩa thống kê so với nhóm có điểm trung bình và thấp nhất ở mức ý nghĩa 5%. Chênh lệch các tỉ số này không có khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm có điểm QTCT trung bình và thấp.



Hình 2.7: Hiệu quả tài chính ROA, ROE của các nhóm doanh nghiệp

2.3. QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO LĨNH VỰC NGÀNH NGHỀ

Mẫu doanh nghiệp được phân theo lĩnh vực kinh doanh theo phân cấp cấp 1 với phân ngành được lấy theo tiêu chuẩn phân ngành ICB (Industry Classification Benchmark)². Theo đó, doanh nghiệp được phân thành 10 lĩnh vực. Hình 2.8 trình bày điểm QTCT theo các lĩnh vực ngành nghề của doanh nghiệp.

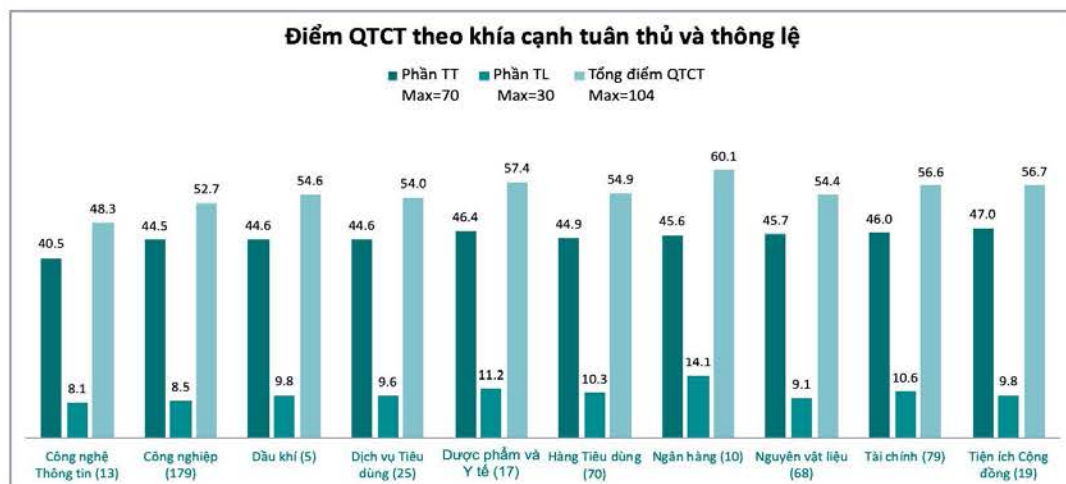
² Hiện tại HOSE đang sử dụng bộ phân ngành GISC (Global Industry Classification Standards – Chuẩn phân ngành toàn cầu) của MSCI (Morgan Stanley Capital International); HNX đang sử dụng bộ phân ngành HaSIC (Hanoi Stock Exchange Standard Industrial Classification – Tiêu chuẩn phân ngành của Sở GDCK Hà Nội). Do vậy để thống nhất việc phân ngành cho mẫu DNNY bao gồm các công ty từ cả hai Sở, phân tích này sử dụng phân ngành cung cấp bởi công ty StockPlus. StockPlus đang phân ngành các doanh nghiệp theo ICB, bộ phân ngành được phát triển và sử dụng bởi Dow Jones và FTSE (Financial Times Stock Exchange). StockPlus cũng là đơn vị hỗ trợ cung cấp dữ liệu tài chính phục vụ các phân tích hiệu quả doanh nghiệp trong Báo cáo này.



Hình 2.8: Điểm QTCT trung bình của từng lĩnh vực

Kết quả cho thấy lĩnh vực Dược phẩm và y tế có thực hành quản trị tốt nhất, kế đến là lĩnh vực Tiện ích cộng đồng và Tài chính. Các lĩnh vực cần cải thiện thực hành quản trị công ty là Công nghiệp và Công nghệ thông tin (bao gồm các doanh nghiệp phần mềm, công nghệ thông tin, và các doanh nghiệp kinh doanh thiết bị, lắp đặt, thiết kế cơ sở hạ tầng thông tin..).

Tuân thủ và đáp ứng thông lệ quốc tế trong từng ngành cho thấy phần lớn các doanh nghiệp trong các lĩnh vực vẫn chưa chú trọng đáp ứng các thông lệ tốt. Hình 2.9 cho thấy các thành phần điểm QTCT theo tuân thủ và thông lệ của từng lĩnh vực ngành nghề. Điểm số trong phần tuân thủ đạt mức khá (đáp ứng từ 57-67% các yêu cầu tuân thủ), trong khi điểm số trong phần thông lệ còn khiêm tốn (đáp ứng từ 27% - 47% các yêu cầu đáp ứng thông lệ tốt).



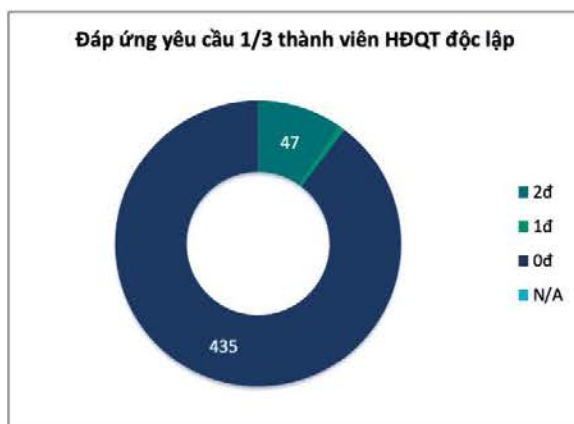
Hình 2.9: Điểm QTCT trung bình của từng lĩnh vực phân theo khía cạnh tuân thủ và thông lệ

2.4. QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ ĐẶC ĐIỂM HĐQT

Yêu cầu độc lập của HĐQT

Việc đảm bảo tính khách quan và độc lập của HĐQT đóng vai trò quan trọng, bởi đây là tiền đề để HĐQT thực hiện việc giám sát một cách có hiệu quả, ngăn ngừa xung đột lợi ích và tăng cường năng lực cạnh tranh của công ty. Một trong những yếu tố cơ bản để đảm bảo tính khách quan của HĐQT là duy trì một tỉ lệ thành viên HĐQT độc lập hiện diện trong HĐQT để đảm bảo tính khách quan và độc lập của HĐQT.

Theo yêu cầu luật định, Khoản 5 Điều 13 Nghị định 71 yêu cầu cơ cấu Hội đồng quản trị công ty niêm yết phải đạt tối thiểu 1/3 số thành viên là thành viên độc lập. Phân tích cho thấy chỉ có 47 công ty (chiếm gần 10% doanh nghiệp được đánh giá) đạt yêu cầu này. Mặc dù nghị định 71 có hiệu lực thi hành từ tháng 8/2017 tuy nhiên mức độ đáp ứng của đa số doanh nghiệp đối với qui định này là chưa đạt.

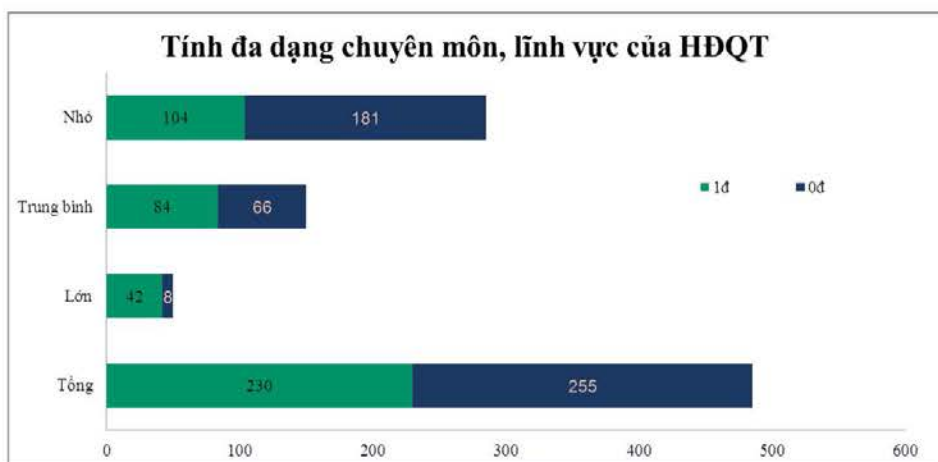


Hình 2.10: Tình hình đáp ứng yêu cầu 1/3 thành viên HĐQT độc lập

Một điểm cần lưu ý là việc công bố tính chất độc lập của thành viên HĐQT trong BCTN còn hạn chế. Trong nhiều trường hợp, doanh nghiệp có thành viên độc lập nhưng không công bố tính chất độc lập trong BCTN hoặc báo cáo QTCT cũng có thể ảnh hưởng lên thống kê tỉ lệ đáp ứng yêu cầu này của doanh nghiệp.

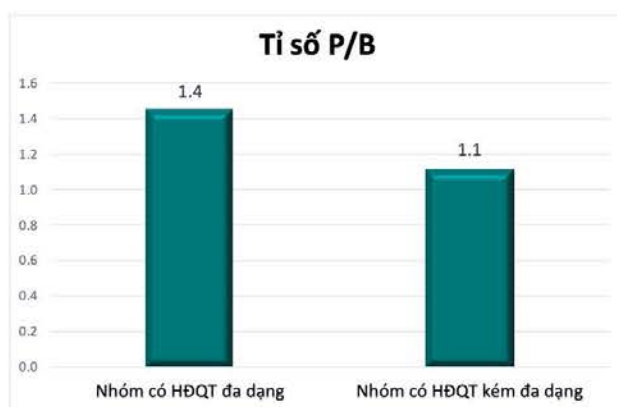
Tính đa dạng của HĐQT

Một HĐQT với đặc điểm đa dạng về chuyên môn, kinh nghiệm, độ tuổi sẽ cho phép HĐQT có được các góc nhìn đa chiều về một vấn đề, có thể đưa ra các cách nhìn nhận và đề xuất giải quyết vấn đề đa dạng, tầm nhìn rộng, đa chiều. Bên cạnh đó, mỗi thành viên HĐQT với chuyên môn, kinh nghiệm thuộc các lĩnh vực khác nhau sẽ thực hiện tốt đầy đủ các chức năng của HĐQT thông qua vai trò chỉ đạo, giám sát hoạt động doanh nghiệp. Tỉ lệ các DN đáp ứng yêu cầu đa dạng chuyên môn, lĩnh vực ngành nghề của các thành viên HĐQT là 47% doanh nghiệp. Sự đa dạng của thành viên HĐQT ở nhóm DN lớn đạt tỉ lệ cao, 84% DN, cao hơn so với nhóm DN có qui mô vừa và nhỏ hơn.



Hình 2.11: Tính đa dạng về chuyên môn và lĩnh vực của HĐQT

Phân tích lợi ích của việc có một HĐQT đa dạng kiến thức, kinh nghiệm cho thấy nhóm DN có HĐQT có tính đa dạng được thị trường ưa thích hơn, và có giá cổ phiếu (Tỉ số giá trị trường trên giá trị bút toán là 1.4) cao hơn nhóm DN có HĐQT kém đa dạng (Tỉ số P/B là 1.1). Tính đa dạng HĐQT được xem xét ở đây bao gồm có các thành viên có kinh nghiệm, kiến thức từ đa dạng lĩnh vực như lĩnh vực pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.



Hình 2.12: Tính đa dạng của HĐQT và giá cổ phiếu

Cân đối về giới

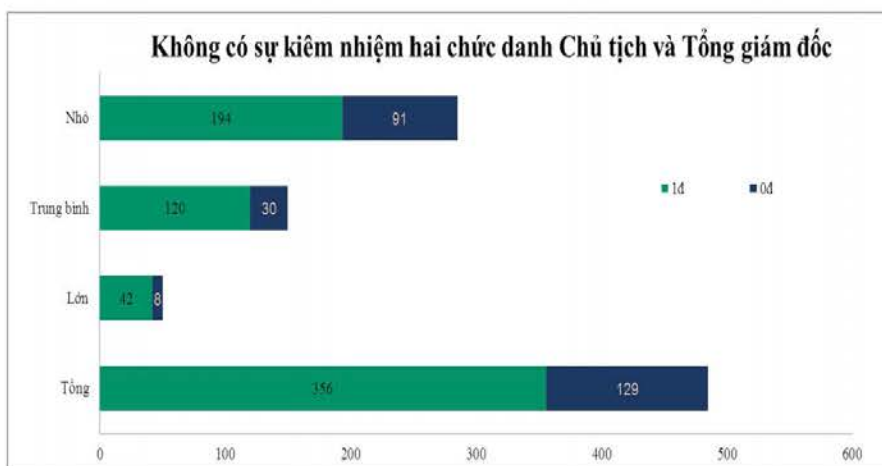
Đa dạng giới tính đem lại một sự hài hoà trong cách nhìn nhận vấn đề của HĐQT, cho phép các nghị quyết của HĐQT được toàn diện, nhiều chiều hơn. Cân bằng giới tính trong HĐQT là một tiêu chuẩn QTCT tốt đang được khích lệ ở nhiều nước trên thế giới. Kết quả cho thấy gần 55% các DNNY có thành viên nữ trong HĐQT.



Hình 2.13: Tính đa dạng của HĐQT và giá cổ phiếu

Kiểm nhiệm và quản trị công ty

Theo yêu cầu của Khoản 2 Điều 12 Nghị định 71, kể từ tháng 8/2020 công ty đại chúng không được có sự kiêm nhiệm hai chức danh Chủ tịch và Tổng giám đốc/Giám đốc. Theo kết quả đánh giá, DNNY đã có sự chuẩn bị cho việc đáp ứng yêu cầu này. Trong số các DN được đánh giá, có 73% (356/485 công ty) đã có sự tách rời hai chức danh này. Tỷ lệ này cao hơn ở nhóm DN lớn so với nhóm DN có quy mô vừa và nhỏ.

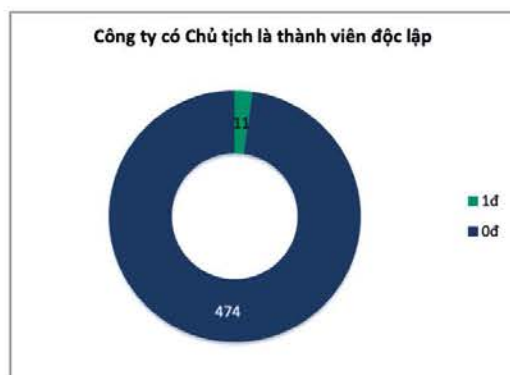


Hình 2.14: Tách bạch Chủ tịch và Tổng giám đốc

Chủ tịch có là thành viên độc lập

Đối với các DN có thành viên HĐQT đại diện các cổ đông lớn, hoặc có tỷ lệ thành viên HĐQT độc lập thấp thì việc có được vị chủ tịch là thành viên độc lập sẽ giúp gia tăng đối trọng về quan điểm độc lập của các nghị quyết HĐQT, đặc biệt trong các vấn đề có liên quan đến các giao dịch bên liên quan, các vấn đề khác có tiềm năng gây xung đột lợi ích. Số DN có Chủ tịch là thành viên HĐQT độc lập là 11 doanh nghiệp (tỷ lệ hơn 2% số DN được đánh giá). Đây là

một yêu cầu thông lệ tốt về QTCT trên thế giới mà doanh nghiệp cần cân nhắc hướng tới áp dụng.

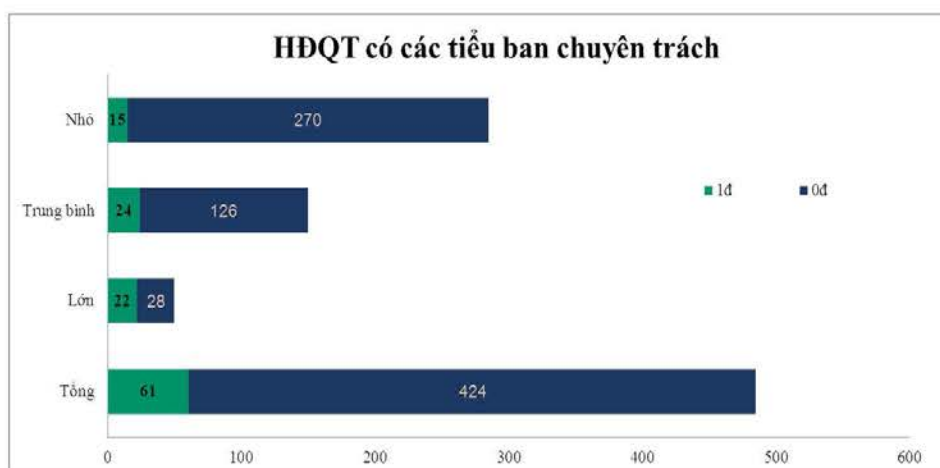


Hình 2.15: Công ty có Chủ tịch là thành viên độc lập

Vai trò các tiểu ban chuyên trách trong Hội đồng quản trị

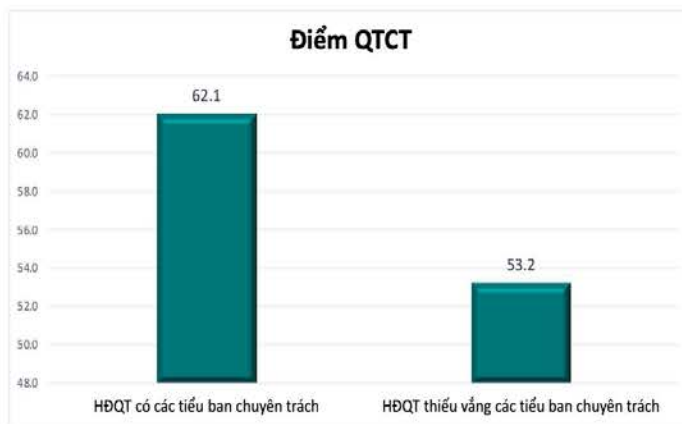
HĐQT cần thành lập các tiểu ban chuyên trách để phụ trách cụ thể việc thực thi các vai trò quan trọng của HĐQT: vai trò xây dựng chiến lược, chính sách phát triển cho doanh nghiệp, vai trò xây dựng tuyển chọn đội ngũ lãnh đạo kế thừa, vai trò xây dựng chính sách thù lao lương thưởng hợp lý. Các tiểu ban cần có người đứng đầu là các thành viên có thể phát huy hiệu quả vai trò độc lập, khách quan.

Thống kê cho thấy chỉ có 61 DN trong tổng số được đánh giá (chiếm tỉ lệ 12.6%) có thành lập các tiểu ban chuyên trách phụ trách hai trong số các vấn đề như nhân sự, thù lao, hoặc chiến lược chính sách phát triển trong hội đồng quản trị. Xét thấy việc có được các tiểu ban chuyên trách phụ trách các vấn đề này là quan trọng, các DN cần nhắc việc xây dựng các tiểu ban này trong HĐQT.



Hình 2.16: HĐQT có xây dựng các tiểu ban chuyên trách

Phân tích lợi ích của việc xây dựng các tiểu ban chuyên trách cho thấy điểm số QTCT của hai nhóm DN có và không có t ban chuyên trách có khác biệt, DN có tiểu ban chuyên trách có điểm QTCT cao hơn DN không có tiểu ban chuyên trách. HĐQT với tiểu ban chuyên trách cho phép các thành viên phân chia trách nhiệm rõ ràng, có thể trực tiếp thực thi vai trò về các khía cạnh cụ thể của QTCT, từ đó giúp cải thiện thực hành công tác QTCT tốt và đạt điểm số cao (62.1 điểm), cao hơn so với nhóm DN thiếu vắng các tiểu ban chuyên trách (đạt 53.2 điểm QTCT).



Hình 2.17: HĐQT có tiểu ban chuyên trách và điểm quản trị công ty

3. ĐIỂM THỰC HIỆN TỐT, ĐIỂM CẦN CẢI THIỆN

3.1. NHỮNG ĐIỂM THỰC HIỆN TỐT

77%



ĐHĐCĐ thường niên của Công ty có được tổ chức trong vòng 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc không quá 6 tháng nếu có xin gia hạn

74%



Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên

91%



Công ty cung cấp thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc.

80%



Trang thông tin điện tử của công ty công bố thông tin cập nhật BCTC quý, bán niên năm gần nhất.

76%



Công ty công bố thông tin Báo cáo thường niên đúng thời hạn theo qui định.

69%



Công ty công bố thông tin Báo cáo tình hình QTCT định kỳ 6 tháng và năm đúng thời hạn.

98%



Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người nội bộ của công ty thực hiện

94%



Báo cáo hoạt động của HĐQT có trình bày các kế hoạch trong tương lai.

95%



Báo cáo của HĐQT bao gồm nội dung về vai trò lãnh đạo của HĐQT trong quá trình xây dựng, theo dõi/giám sát thực thi chiến lược của công ty

73%



Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc

3.2. NHỮNG ĐIỂM CẦN CẢI THIỆN

❖ Quyền cổ đông trong ĐHCĐ

Đánh giá chung

Việc bảo vệ các quyền cổ đông là vấn đề cốt lõi trong quản trị công ty và là một nhân tố quan trọng để mang lại niềm tin cho các nhà đầu tư. Việc bảo vệ các quyền này được thực hiện thông qua các quy định quản trị nội bộ và được đảm bảo bởi Luật Doanh nghiệp cùng các quy định pháp luật khác và ngày càng đạt tiến bộ tích cực trong bối cảnh khuôn khổ pháp lý tại Việt Nam ngày càng hoàn thiện hướng tới mục tiêu cải thiện hoạt động QTCT trong nước. Mặc dù vậy, cần có cải thiện đáng kể hơn nữa trong việc cải thiện cung cấp nội dung chi tiết và kịp thời các tài liệu cổ đông như cung cấp thông tin chi tiết về các ứng viên Hội đồng quản trị và BKS trước tối thiểu 10 ngày trước ngày tổ chức đại hội đồng cổ đông đủ thông tin và thời gian xem xét biểu quyết.

Bên cạnh đó, việc công bố bằng tiếng Anh thư mời họp và tài liệu họp ĐHCĐ cần được cải thiện. Trên thực tế việc cung cấp tài liệu họp ĐHCĐ bằng tiếng Anh của các doanh nghiệp niêm yết vẫn còn nhiều hạn chế, như việc đăng tải muộn hơn so với tài liệu phiên bản tiếng Việt, nội dung sơ sài hơn, thiếu thông tin chi tiết so với bản tiếng Việt. Điều này có thể gây trở ngại cho các nhà đầu tư nước ngoài khi muốn nắm bắt chính xác, kịp thời, đầy đủ các thông tin quan trọng của công ty, ảnh hưởng tới việc ra quyết định đầu tư. Công bố tài liệu cổ đông kịp thời và đầy đủ là điều rất cần được DN quan tâm hơn nhằm đối xử công bằng giữa nhóm cổ đông trong và ngoài nước.

Thêm nữa, các DN cần nỗ lực hơn để cổ đông được nhận cổ tức đúng hạn theo quy định trong nước, cũng như hướng tới thực hành theo chuẩn mực ASEAN với yêu cầu cổ tức tiền mặt phải được chi trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày công bố cổ tức hoặc kể từ ngày đại hội thông qua cổ tức, và cổ tức cổ phiếu phải được chi trả trong vòng 60 ngày.

64%



Công ty có thực hiện chi trả cổ tức đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

8%



Tài liệu họp ĐHĐCĐ cung cấp thông tin về các ứng viên Hội đồng quản trị và BKS (nếu có) (tối thiểu: tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, kinh nghiệm, ngày bổ nhiệm lần đầu, vị trí thành viên HĐQT đang tại vị ở DNNY khác, tính độc lập) tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc đại hội

9%



Công ty công bố bằng tiếng Anh thư mời họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ

❖ Kiểm soát giao dịch bên liên quan

Đánh giá chung

Khung pháp lý luôn là nội dung được đề cập đầu tiên nhằm đảm bảo thị trường minh bạch và công bằng, một vấn đề cốt lõi trong việc bảo vệ các quyền cổ đông, trong đó có việc kiểm soát giao dịch bên liên quan (GDBLQ). Luật doanh nghiệp Việt Nam và các văn bản pháp lý về QTCT cũng quy định chặt chẽ đối với GDBLQ và ngăn ngừa xung đột lợi ích. Ngoài ra, nhằm hạn chế xung đột lợi ích do lạm dụng GDBLQ, bên cạnh những nỗ lực của cơ quan quản lý thì bản thân DN phải nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật, đặc biệt là quy định liên quan đến CBTT. Các thông tin phải được công bố cả trước và sau giao dịch, cụ thể trước giao dịch, thông tin về GDBLQ cần được phân định cụ thể để đảm bảo kịp thời thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khoảng thời gian nhất định nhằm đảm bảo thông tin được truyền tải đầy đủ và kịp thời. Đối với thông tin sau giao dịch chủ yếu là các thông tin được công bố trên các BCTC và báo cáo thường niên của công ty, thế nhưng vẫn còn rất ít DNNY công khai quy định nội bộ về vấn đề khi giao dịch cổ phiếu của công ty thì người nội bộ/ người có liên quan của công ty phải CBTT tối thiểu 3 ngày trước ngày thực hiện giao dịch.

3%



Công ty có quy định nội bộ về Người nội bộ/ Người có liên quan của công ty phải CBTT về việc giao dịch cổ phiếu của công ty tối thiểu 3 ngày trước ngày thực hiện giao dịch

❖ Vai trò các bên hữu quan chính yếu

Đánh giá chung

Quy định CBTT về môi trường và xã hội trong Thông tư 155 đánh dấu một bước tiến quan trọng của Việt Nam nhằm hướng đến một thị trường tài chính bền vững. Đây là lĩnh vực mà các NĐT đang rất quan tâm trong nước và trên thế giới vì triển vọng phát triển dài hạn của công ty sẽ được trình bày rõ hơn trong báo cáo thường niên hoặc tập trung nội dung vào báo cáo phát triển bền vững thông qua sự tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, cách thức doanh nghiệp quản lý những tác động và rủi ro có liên quan đến môi trường và xã hội, cũng như các bên có lợi ích liên quan khác. Nhờ đó, các quy định của Việt Nam đã tiệm cận gần hơn so với quy định của các nước trong khu vực về CBTT. Nhưng trên thực tế, việc đáp ứng các quy định tiến bộ này vẫn chưa đạt được kết quả tương xứng khi phần lớn DNNY vẫn chưa thể hiện có chính sách và thực tiễn bảo vệ môi trường gắn liền với các hoạt động, quá trình sản xuất kinh doanh của DN, hoặc có nêu nhưng chỉ chung chung, chưa thật sự thuyết phục đối với những đối tượng bên ngoài, nhất là nhà đầu tư quốc tế. Cũng tương tự vấn đề môi trường, các chính sách và thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi các bên quan trọng khác, như khách hàng và các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên vẫn chưa được nhận nhiều thông tin rõ ràng từ phía các công ty.

Thêm nữa, theo thông lệ tốt về QTCT thì công ty cần có chính sách báo cáo sai phạm, với qui trình xử lý sai phạm rõ ràng, với các cam kết bảo mật thông tin khai báo sai phạm, bảo mật danh tính người báo cáo sai phạm, và một kênh thông tin bảo mật an toàn tiếp nhận các báo cáo sai phạm từ các bên có quyền lợi liên quan để họ có thể sử dụng để thực hiện báo cáo sai phạm. Hiện tại các nước trong khu vực ASEAN đang thực hiện rất tốt việc xây dựng và triển khai chính sách báo cáo sai phạm. Qua đó, cho thấy các DN Việt Nam cần nỗ lực hơn rất nhiều để đạt được mức độ minh bạch hóa thông tin như các DN trong khu vực.

49%



Công bố chính sách và các thực hành bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo thúc đẩy phát triển bền vững

14%



Công ty có công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng

25%



Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên

1%



Công ty cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện, báo cáo những sai phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ

❖ Công bố thông tin và minh bạch

Đánh giá chung

Kết quả đánh giá cho thấy tình hình công bố thông tin của các DNNY Việt Nam đạt mức độ đáp ứng tốt với quy định CBTT hiện hành, nhưng còn khoảng cách tương đối với các thông lệ khu vực. Theo đó, các DNNY Việt Nam cần nhiều nỗ lực hơn nữa trong việc soạn thảo và công bố đầy đủ thông tin cần thiết để đảm bảo tính công khai, minh bạch, cũng như cung cấp những bằng chứng quan trọng cho các thực tiễn và chính sách quản trị công ty tốt của doanh nghiệp. Cụ thể, đa phần các công ty trình bày báo cáo thường niên đầy đủ các nội dung tuân thủ theo quy định hiện hành. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế đối với mức độ theo thông lệ của khu vực, chẳng hạn thường các công ty ít đề cập tới tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị, cũng như thiếu phần công bố “Thực hiện đầy đủ quy định quản trị công ty” hoặc nếu có thì chitrich bày là đã thực

hiện đúng, đầy đủ các quy định về quản trị công ty, chưa nhận diện được các điểm mạnh, điểm yếu kém trong công tác thực hành QTCT, lý do tại sao và phương án khắc phục. Phương tiện CBTT hiệu quả khác là trang thông tin điện tử của công ty. Mặc dù là một kênh thông tin được đa số các DN sử dụng để phổ biến thông tin đến nhà đầu tư, tỷ lệ đạt yêu cầu về CBTT các tiêu chí trên trang điện tử công ty vẫn thấp hơn so với CBTT trên trang thông tin điện tử của các cơ quan quản lý. Một trong các nguyên nhân có thể được giải thích là ngoài các tiêu chí CBTT theo quy định, trên trang điện tử của công ty còn yêu cầu cung cấp điều lệ, quy chế QTCT cập nhật mới nhất, liên tục; cũng như ban hành và công bố Bộ quy tắc Ứng xử/Đạo đức, đây là những tiêu chí mang tính chất thông lệ, chưa được quy định tại các văn bản pháp lý.

Kế đến là vấn đề CBTT chính sách thù lao, lương thưởng cho HĐQT, Ban kiểm soát và Ban giám đốc. Hầu như các DN không công bố chi tiết và rõ ràng từng khoản thù lao, lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán cho từng thành viên trong HĐQT và (hoặc) BKS mà thường chỉ công bố số tổng thù lao của từng thành viên hoặc đối với thông tin lương của Ban Giám Đốc/ Giám đốc và các cán bộ quản lý chủ chốt khác chỉ thể hiện mỗi số tổng thu nhập của cả Ban Giám Đốc và gần như không báo cáo tại ĐHCĐ. Những nội dung cần chú ý cải thiện khác chính là việc cung cấp thông tin lý lịch của từng thành viên HĐQT sao cho cụ thể hơn với các đặc điểm về tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết.



Báo cáo thường niên công bố tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị



Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty; và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ thì có công bố và giải thích rõ lý do cho mỗi vấn đề đó



Báo cáo thường niên có công bố thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán cho từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, và (hoặc) Ban kiểm soát

0.41%



Tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và thành viên quản lý điều hành khác (tối thiểu Kế toán trưởng) có được thể hiện thành mục riêng, chi tiết lương từng người, trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên

59%



Trang thông tin điện tử: cung cấp điều lệ, quy chế QTCT cập nhật mới nhất tức thời

3%



Công ty có ban hành và công bố Bộ quy tắc ứng xử/Đạo đức

8%



Chi tiết tiêu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT

❖ Vai trò HĐQT

Đánh giá chung

Vai trò của HĐQT là trung tâm trong việc xây dựng khuôn khổ quản trị công ty, có trách nhiệm giám sát thực thi chiến lược của công ty, giám sát quản trị rủi ro, giám sát bộ máy điều hành, và bảo vệ quyền lợi của các cổ đông. Tuy nhiên, thực tế cho thấy vẫn còn nhiều thách thức đối với HĐQT tại các DN Việt Nam muốn theo thông lệ QTCT tốt khi còn khá nhiều hạn chế trong công tác giám sát chất lượng CBTT, điều hành, giám sát việc thực thi các chiến lược công ty, quản trị rủi ro của HĐQT. Diễn hình như việc công khai thông tin về chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị của trên 05 Doanh nghiệp khác sẽ giúp cổ đông có cơ sở để đánh giá cam kết trách nhiệm tại từng DN của các thành viên HĐQT, và mức độ rủi ro tiềm tàng ảnh hưởng đến tính độc lập trong các quyết định nếu vai trò của thành viên đó hiện đang là thành viên HĐQT độc

lập. Thế nhưng, đa phần các DNNY không đề cập nội dung này và một số trường hợp công bố thì xét thấy có thành viên đồng thời nắm giữ quá 5 vị trí HĐQT tại các công ty khác nhau, cũng như không trình bày rõ loại hình hoạt động của các công ty này (là công ty niêm yết hay không niêm yết).

Bên cạnh đó, vai trò hoạch định chiến lược và kiểm soát rủi ro thuộc về trách nhiệm trọng yếu của HĐQT dường như vẫn còn mờ nhạt khi chưa tới quá bán số công ty tham gia đánh giá trình bày cách thức quản lý các rủi ro quan trọng của DN. Trên thực tế, chỉ có các tổ chức tài chính đặc biệt và ngân hàng là những đơn vị có sự quan tâm nhiều hơn đến hoạt động quản lý rủi ro, còn hầu hết các doanh nghiệp chưa chú trọng đến hoạt động này.

Song song với vai trò của HĐQT, vai trò của BKS hoặc Tiểu ban KTNB thuộc HĐQT không kém phần quan trọng, vì có trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát hoạt động, tuân thủ của DN. Trong đó, bảng tiêu chí đề cập tới nhiệm vụ cụ thể là đánh giá về Công ty Kiểm toán độc lập và thẩm định Báo cáo Tài chính. Kết quả thể hiện việc thẩm định Báo cáo Tài chính được thực hiện khá tốt; tuy nhiên, rất hiếm công ty thực hiện đánh giá đơn vị kiểm toán độc lập.

Đánh giá cũng cho kết quả không khả quan khi xem xét thông tin tham gia các khóa đào tạo về Quản trị công ty trong năm của các thành viên HĐQT mặc dù nhận thấy việc trang bị kiến thức về quản trị công ty mang đến lợi ích đáng kể, vì HĐQT sẽ có hiểu biết tốt về vai trò và trách nhiệm của mình và sẵn sàng nâng cao, cải tiến thực hành quản trị tốt tại các doanh nghiệp VN. Thêm nữa là rất ít trường hợp bổ nhiệm ít nhất 1 người làm Người phụ trách QTCT và thực tế vị trí này có thể còn khá mới mẻ khi gần đây mới quy định bổ sung chức danh “Người phụ trách quản trị công ty” tại công ty niêm yết thông qua Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

67%



Công ty không công bố liệu có thành viên Hội đồng Quản trị nào đồng thời nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị của trên 05 Doanh nghiệp khác không

4%



HĐQT có bổ nhiệm/ chỉ định ít nhất 1 người làm Người phụ trách quản trị công ty

4%



Thành viên Hội đồng Quản trị có tham gia các khóa đào tạo về Quản trị công ty trong năm vừa qua

2%



Ban kiểm soát hoặc Tiểu ban kiểm toán thực hiện đánh giá về Công ty Kiểm toán độc lập và Báo cáo Tài chính

48%



Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)

❖ Cấu trúc quản trị của Doanh nghiệp

Đánh giá chung

Các DNNY Việt Nam hiện tại phổ biến có HĐQT theo mô hình hai cấp tách chức năng kiểm soát và chức năng quản lý thành hai cơ quan riêng biệt, tương ứng là có BKS và HĐQT. Từ năm 2014, Luật doanh nghiệp cho phép mô hình quản lý thay đổi từ mô hình Ban kiểm soát sang mô hình Tiểu ban Kiểm toán (hoặc là Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị). Việc thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị hiện vẫn chưa phổ biến ở Việt Nam dù các doanh nghiệp dần nhận thức được tầm quan trọng và sự cần thiết của những tiểu ban này. Do đó, kết quả đánh giá cho thấy chỉ một vài công ty thành lập các tiểu ban chuyên trách, chủ yếu là Tiểu ban nhân sự và lương thưởng. Đáng chú ý, việc đa dạng cơ cấu HĐQT ngày càng được chú trọng, xuất phát

từ thực tế rằng HĐQT với các thành viên thuộc giới tính, chuyên môn và kinh nghiệm khác nhau sẽ đóng góp những kiến thức phong phú, suy nghĩ đa chiều trong mọi vấn đề, nâng cao chất lượng ra quyết định cũng như giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả. Thế nhưng, số công ty đáp ứng với các tiêu chí trên còn khá hạn chế. Ngoài ra, một vấn đề then chốt cần cải thiện là việc đảm bảo tính khách quan và độc lập của HĐQT, tạo điều kiện để HĐQT thực hiện việc giám sát một cách có hiệu quả, ngăn ngừa xung đột lợi ích và tăng cường khả năng cạnh tranh của công ty. Tại Việt Nam, luật quy định HĐQT của DNNY phải có ít nhất 1/3 số lượng thành viên HĐQT là độc lập. Tuy nhiên, số lượng DNNY đảm bảo đủ tỷ lệ thành viên HĐQT là độc lập còn rất thấp.

10%



HĐQT của công ty đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập

47%



Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự đa dạng giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty

55%



Cơ cấu Hội đồng quản trị có đảm bảo sự cân đối về giới

13%



Công ty có thành lập các tiểu ban sau: tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng

Thay lời kết

Cải thiện quản trị công ty hướng đến hội nhập thị trường vốn trong khu vực và quốc tế là một lộ trình dài hạn đòi hỏi sự quan tâm của nhiều bên hữu quan, đặc biệt là từ lãnh đạo các doanh nghiệp. Đây là tài liệu các doanh nghiệp niêm yết nên tham khảo trong quá trình xây dựng các chính sách và thực thi các vấn đề về quản trị công ty tại doanh nghiệp mình, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng uy tín của doanh nghiệp trên thị trường và tăng mức độ tín nhiệm nói chung của toàn thị trường chứng khoán Việt Nam.

BỘ CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY VIỆT NAM

CÁC CÂU HỎI CẤP 1:

Câu 1A:

Công ty có thực hiện chi trả cổ tức đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên?

Căn cứ: Luật Doanh nghiệp 2014

Ý nghĩa: Quyền được nhận cổ tức kịp thời (nếu DN có chính sách chi trả cổ tức) là một trong các quyền cơ bản nhất, ảnh hưởng trọng yếu đến dòng tiền và thu nhập của cổ đông. Nếu nhận cổ tức trễ, cổ đông sẽ mất niềm tin vào DN và không đồng hành cùng DN trong các kế hoạch tăng vốn. Theo thông lệ QTCT khu vực ASEAN thì doanh nghiệp niêm yết phải chi trả cổ tức trong vòng 30 ngày kể từ ngày công bố cổ tức hoặc ngày tổ chức đại hội cổ đông.

Câu 2A:

Công ty có thông qua tại ĐHĐCĐ hằng năm về:

- a) Mức cổ tức cho năm vừa qua
- b) Kế hoạch kết quả kinh doanh năm tới

Căn cứ: Luật Doanh nghiệp 2014

Ý nghĩa: Cổ đông có quyền được cung cấp thông tin và ra quyết định những vấn đề quan trọng bảo đảm lợi ích của cổ đông. ĐHĐCĐ thường niên là dịp để cổ đông thực hiện các quyền như thảo luận và biểu quyết thông qua mức cổ tức năm vừa qua và kế hoạch, kết quả kinh doanh năm tới.

Câu 3A:

Công ty có công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng không?

Căn cứ: Nghị định 71

Ý nghĩa: Cổ phiếu được mua đi, bán lại thường xuyên trên thị trường nên tổ chức phát hành phải xác định những cổ đông hiện hữu nhằm chốt danh sách cổ đông cho mục đích hưởng quyền. Do đó, để được hưởng quyền lợi chính yếu nhất là tham dự ĐHĐCĐ, trong đó có quyền biểu quyết, quyền đóng góp ý kiến đối với mọi hoạt động, kinh doanh của công ty thì nhà đầu tư hiện hữu đặc biệt là cá nhân bên ngoài cần được cung cấp đầy đủ tất cả thông tin liên quan, kịp thời đảm bảo được quyền lợi tối đa trong vai trò người chủ sở hữu

Câu 4A:

Công ty có gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ?

Căn cứ: Luật Doanh nghiệp 2014



Ý nghĩa: Thông báo họp ĐHCĐ được công bố càng sớm, các cổ đông càng có thêm thời gian để xem xét các thông tin về hoạt động kinh doanh của công ty, nghiên cứu các tài liệu liên quan đến các vấn đề nghị sự, cũng như sắp xếp thời gian để tham dự đại hội

Câu 5A:

ĐHĐCĐ thường niên của Công ty có được tổ chức trong vòng 4 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc không quá 6 tháng nếu có xin gia hạn không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: ĐHCĐ là dịp đặc biệt để các cổ đông có thể gặp gỡ ban lãnh đạo công ty, chất vấn và trao đổi ý kiến, cũng như thu thập thông tin hoạt động của DN. Việc tổ chức ĐHCĐ thường niên càng sớm thì càng thể hiện sự tôn trọng cổ đông và sự minh bạch thông tin của DN khi nhà đầu tư bên ngoài sớm tiếp cận với những thông tin quan trọng, hạn chế việc cổ đông nội bộ có thể thao túng vì đã nắm rõ thông tin trước đó

Câu 6A:

Công ty có quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty về thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông và hướng dẫn cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Việc lập giấy UQ và hướng dẫn cổ đông thực hiện ủy quyền tạo điều kiện thuận lợi để tất cả các cổ đông có thể tham dự ĐHCĐ và thực hiện các quyền cơ bản của mình, đó là quyền tham dự ĐHCĐ, quyền chất vấn và biểu quyết ngay cả khi không thể tham dự trực tiếp; cũng như để cuộc họp ĐHCĐ có giá trị về mặt pháp lý thì cũng phải có đủ số cổ đông dự họp và biểu quyết.

Câu 7A:

Website công ty có công bố toàn bộ tài liệu họp ĐHCĐ không (bộ tài liệu tiêu chuẩn) bao gồm: (1) Thư mời họp có chương trình họp, (2) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, (3) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, (4) Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của BKS/Tiểu ban kiểm toán (file phải mở được, có nội dung)

Căn cứ: Luật Doanh nghiệp 2014



Ý nghĩa: Để đảm bảo cổ đông tham dự họp ĐHCĐ hiệu quả và phát huy quyền lợi tối đa trong việc thông qua các quyết định quan trọng của DN thì Bộ tài liệu họp ĐHCĐ càng công bố đầy đủ và chi tiết, các cổ đông càng có thêm thông tin để xem xét, trao đổi thảo luận và biểu quyết trong cuộc họp những nội dung quan trọng cần được thông qua.

Câu 8A:

Cổ đông có được hướng dẫn để đóng góp ý kiến về (các) vấn đề thảo luận trong chương trình nghị sự của ĐHCĐ trước khi cuộc họp diễn ra?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Một trong những quyền quan trọng của cổ đông là có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHCĐ trước khi diễn ra cuộc họp. Điều này đảm bảo được tiếng nói của cổ đông trong các vấn đề quan trọng của công ty cần được thông qua một cách công bằng và bảo đảm lợi ích chung cho DN và tất cả cổ đông.

Câu 9A:

Tài liệu họp ĐHCĐ có cung cấp thông tin về các ứng viên Hội đồng quản trị và BKS (nếu có) (tối thiểu: tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, kinh nghiệm, ngày bổ nhiệm lần đầu, vị trí thành viên HĐQT đang tại vị ở DN NY khác, tính độc lập) tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc đại hội không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Thông tin về các ứng viên HĐQT và BKS cần được trình bày chi tiết, cụ thể và được cung cấp trước cuộc họp một thời gian đủ để cổ đông xem xét, làm cơ sở bầu chọn những thành viên đủ năng lực và phù hợp nắm giữ những vị trí chủ chốt trong công ty, đại diện cổ đông chuẩn bị vì đây là nguồn thông tin quan trọng để các cổ đông tham khảo và làm cơ sở ra quyết định. DN cần cung cấp đầy đủ thông tin, đặc biệt là về ngày bổ nhiệm thành viên HĐQT lần đầu, tính chất độc lập.

Câu 10A:

Có bằng chứng cho thấy đại hội đồng cổ đông có thông qua thù lao, chi phí, các khoản lợi ích do công ty thanh toán cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (nếu có) không?

Căn cứ: Luật Doanh nghiệp 2014



Ý nghĩa: Vấn đề thù lao, chi phí và các khoản lợi ích là một trong số các nội dung trọng yếu phải được thông qua tại ĐHCĐ. Với mục tiêu bảo vệ quyền lợi của cổ đông, đòi hỏi công ty phải công khai cụ thể, rõ ràng những thông tin quan trọng và được sự chấp thuận từ ĐHCĐ.

Câu 11A:

Công ty có áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác?

Căn cứ: Luật Doanh nghiệp 2014



Ý nghĩa: Hình thức biểu quyết từ xa giúp đỡ bỏ các trở ngại đối với các cổ đông ở xa, cổ đông nước ngoài và những cổ đông không thể sắp xếp thời gian để tham dự. Hình thức biểu quyết thông qua họp ĐHCĐ trực tuyến cho phép các cổ đông thực hiện quyền bầu cử và tham gia thảo luận, dù không thể có mặt tại đại hội. Việc sử dụng hệ thống trực tuyến cũng giúp các cổ đông vắng mặt tham gia vào những nội dung mới phát sinh hoặc thay đổi trong đại hội. Biểu quyết bằng đường thư điện tử cũng là một hình thức khuyến khích áp dụng giúp hỗ trợ tham dự biểu quyết đối với cổ đông vắng mặt.

Câu 12A:

Công ty có công bố đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia Ban kiểm phiếu bầu tại ĐHCĐ không?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Việc bổ nhiệm một bên độc lập kiểm định quá trình kiểm phiếu sẽ giúp quá trình biểu quyết và bầu cử tại đại hội được diễn ra minh bạch hơn, vì vậy mà tạo lòng tin cho cổ đông, nâng cao hình ảnh cho DN.

Câu 13A:

Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: Những vấn đề quan trọng được quyết định trong ĐHĐCĐ cần được công ty công bố kịp thời trên các phương tiện thông tin chính thống vì những thông tin ngay sau khi đại hội kết thúc sẽ có vai trò quan trọng ảnh hưởng đến quyết định nắm giữ, mua bán cổ phiếu của nhà đầu tư. Do vậy công ty cần đảm bảo rằng mọi nhà đầu tư đều kịp thời tiếp cận được thông tin về nghị quyết ĐHĐCĐ.

Câu 14A:

Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?

Căn cứ: Luật Doanh nghiệp 2014



Ý nghĩa: Công bố chi tiết kết quả biểu quyết nêu trong cả nghị quyết lẫn biên bản ĐHĐCĐ giúp người đọc hình dung được mức độ ủng hộ, quan điểm của cổ đông về vấn đề được lấy ý kiến.

Câu 15A:

Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Phần chất vấn trong đại hội là một trong những cách khuyến khích sự tham gia đóng góp của cổ đông vào những vấn đề quan trọng của công ty. Qua đó cũng thể hiện tinh thần dân chủ và mức độ minh bạch của ban lãnh đạo công ty trước ĐHĐCĐ.

Câu 16A:

Công ty có xây dựng và công bố chính sách liên quan đến việc khiếu nại của cổ đông không?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Công ty có xây dựng và công bố chính sách báo cáo sai phạm cho cổ đông và các bên hữu quan của công ty có thể khiếu nại, cũng như công bố quy trình minh bạch trong việc giải quyết khiếu nại sẽ cho phép cổ đông và các bên hữu quan yên tâm và mong muốn đồng hành lâu dài cùng DN.

Câu 17A:

Công ty có công bố bằng tiếng Anh thư mời họp và tài liệu họp ĐHĐCĐ không?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Công ty cần công bố thư mời và tài liệu họp bằng tiếng Anh kịp thời như tài liệu tiếng Việt để đảm bảo cổ đông nước ngoài được bình đẳng về quyền được tiếp cận thông tin như cổ đông trong nước.

Câu 18A:

Công ty có quy định nội bộ về Người nội bộ/ Người có liên quan của công ty phải CBTT về việc giao dịch cổ phiếu của công ty tối thiểu 3 ngày trước ngày thực hiện giao dịch hay không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: Việc kịp thời công bố thông tin giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/người có liên quan rất quan trọng, cho phép ngăn ngừa các giao dịch cổ phiếu có thể gây thiệt hại cho cổ đông, khi người nội bộ/ người có liên quan sở hữu các thông tin của doanh nghiệp nhiều hơn người bên ngoài, cổ đông thiểu số.

Câu 19B:

Công ty có công bố Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: Các quy định liên quan đến công bố thông tin về môi trường và xã hội là bước đệm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về tầm quan trọng của việc minh bạch hóa thông tin, nâng cao chất lượng của DNNY thông qua quản trị tốt các trách nhiệm xã hội và môi trường hướng tới phát triển bền vững. Đây cũng đang trở thành một trong những tiêu chí đầu tư quan trọng nhất trên thế giới.

Câu 20B:

Công ty có công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của công ty trong việc tích hợp các yếu tố về môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo thúc đẩy phát triển bền vững?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Để các DNNY có thể thu hút được nguồn vốn dài hạn từ các nhà đầu tư trách nhiệm, DN cần chú trọng tới trách nhiệm xã hội và môi trường, cân đối hài hòa với mục tiêu tăng trưởng kinh doanh. Với nỗ lực nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực có thể gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, hệ sinh thái và cộng đồng, việc quan trọng là DN cần thiết lập bộ chính sách và quy trình quản lý môi trường, các hoạt động tích hợp các yếu tố về môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Câu 21B:

Công ty có công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Bất kỳ DN nào muốn tồn tại và phát triển thị trường lâu dài đều cần một lượng khách hàng ổn định. Việc bảo vệ quyền lợi khách hàng mang ý nghĩa cấp thiết đối với DN trong nền kinh tế thị trường. Việc công ty có công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi khách hàng càng nuôi dưỡng lòng tin và thu hút lượng khách hàng bền vững.

Câu 22B:

Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho nhân viên?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Một trong những bên liên quan chính yếu của DN chính là người lao động, việc chăm lo đời sống, phúc lợi và tạo điều kiện nâng cao bảo vệ sức khỏe, an toàn lao động của nhân viên chính là mục đích thiết thực nhất để nâng cao năng suất lao động, tạo ra môi trường làm việc hấp dẫn có thể thu hút lực lượng lao động năng lực giỏi, đóng góp nâng cao kết quả kinh doanh tốt và lâu dài cho doanh nghiệp.

Câu 23B:

Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành về các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Phát triển các kỹ năng và năng suất của nhân viên làm việc trong công ty là một việc làm quan trọng bởi vì các kỹ năng mới có thể cải tiến được năng suất lao động, mang lại sự cạnh tranh và lợi nhuận cho công ty. Việc công bố công khai chính sách và thực tiễn các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên càng thể hiện cho sự cam kết nỗ lực đạt được mục tiêu trên.

Câu 24B:

Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Bên cạnh việc khen thưởng bằng tiền mặt hoặc những khoản thưởng có giá trị khích lệ trong ngắn hạn thì các chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của công ty trong dài hạn đối với nhân viên sẽ tạo ra động lực gắn bó giữa họ với lợi ích lâu dài của công ty. Việc gắn kết lợi ích nhân viên với lợi ích lâu dài của công ty cũng là cách thức hiệu quả giúp nâng cao giá trị của nhà đầu tư.

Câu 25B:

Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Bất kể DN có quy mô và ngành nghề hoạt động kinh doanh nào thì cũng cần công nhận sự đóng góp của các bên có quyền lợi liên quan như nhà đầu tư, người lao động, chủ nợ và nhà cung cấp là nguồn lực quý giá để xây dựng khả năng cạnh tranh và tăng lợi nhuận cho công ty. Vì vậy mối quan tâm lâu dài của các công ty là đẩy mạnh sự hợp tác giữa các bên có quyền lợi liên quan, trong đó sẵn sàng lắng nghe và thu nhận tất cả các ý kiến từ đóng góp xây dựng tới khiếu nại về những vi phạm ảnh hưởng tới lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan.

Câu 26C:

Công ty có cung cấp thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: Các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc/ Tổng Giám đốc và kế toán trưởng nắm giữ cổ phiếu là những cổ đông nội bộ. Việc cung cấp thông tin sở hữu của những cổ đông nội bộ này là rất cần thiết vì các nhà đầu tư bên ngoài không những cần đánh giá xung đột lợi ích tiềm tàng có thể dẫn tới việc suy xét, ra quyết định kinh doanh của họ, mà còn xem xét khả năng thực hiện các giao dịch nội gián vì những cổ đông nội bộ thường biết trước thông tin của DN.

Câu 27C:

Công ty có cung cấp thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp của cổ đông lớn không?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Công ty đại chúng phải thực hiện CBTT về sở hữu của các cổ đông lớn và quyền biểu quyết của họ vì trên hết cổ đông lớn có khả năng kiểm soát và thu tóm công ty, gây ảnh hưởng tới các cổ đông nhỏ và cả chính DN đó.

Câu 28C:

Báo cáo Thường niên có cung cấp thông tin về cơ cấu cổ đông của công ty không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: Thông tin về cơ cấu sở hữu cổ phần là một thông tin cơ bản mà doanh nghiệp cần cung cấp cho các nhà đầu tư trong báo cáo thường niên. Qua đó, nhà đầu tư có cái nhìn tổng quan nhất về cơ cấu sở hữu của công ty, và quyền của họ so với những người sở hữu khác. Vì vậy, họ có thể chủ động xem xét quyền lợi các nhóm cổ đông lớn, cổ đông nhà nước, cổ đông nước ngoài... mức độ lợi ích của nhóm cổ đông nào đó có thể gây bất lợi tới quyền lợi của các cổ đông còn lại.

Câu 29C:

Báo cáo thường niên có công bố tính độc lập của thành viên Hội đồng Quản trị không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: BCTN nêu rõ tính độc lập của thành viên HĐQT cho thấy công ty rất coi trọng tính độc lập của HĐQT trong mối quan hệ với ban điều hành, từ đó cho phép HĐQT bảo vệ quyền lợi của chủ sở hữu, tư vấn giám sát độc lập hoạt động của bộ máy quản lý điều hành, tạo ra đối trọng để hài hòa lợi ích giữa các nhóm cổ đông, tránh xung đột về lợi ích, bảo vệ được cổ đông nhỏ. Để thực hiện được những điều này, tính độc lập phải được đảm bảo như là HĐQT không bị chi phối bởi lợi ích riêng trong công ty, không bị ảnh hưởng tiêu cực từ các quan hệ điều hành và sở hữu, có thể khách quan trong việc quyết định các vấn đề của công ty mà không bị chi phối bởi lợi ích riêng của một cá nhân hay một nhóm người nào đó.

Câu 30C:

Báo cáo thường niên có công bố phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: Thông qua BCTN, DN cần thể hiện cam kết thực thi tốt QTCT. DN không chỉ trình bày việc tuân thủ đúng các quy định, nguyên tắc quản trị công ty, mà còn cần nêu cụ thể nội dung chưa thực hiện được trong công tác QTCT và phương án khắc phục. Việc tự nguyện công bố vấn đề này cho thấy cam kết thực thi trách nhiệm của mình với cổ đông hiện hữu. Cam kết QTCT tốt sẽ giúp DN xây dựng lòng tin, thu hút vốn đầu tư từ các tổ chức đầu tư, nhà đầu tư cá nhân mới.

Câu 31C:

Báo cáo thường niên có công bố thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do công ty thanh toán cho từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, và hoặc Ban kiểm soát (nếu có) không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: BCTN công khai các khoản liên quan đến thù lao của từng thành viên HĐQT và BKS giúp các nhà đầu tư đánh giá được năng lực và mức độ tham gia đóng góp cho hoạt động công ty của từng thành viên, cũng như cung cấp thông tin cho các cổ đông có thêm cơ sở ra quyết định khi xem xét mối quan hệ giữa mức thù lao và hiệu quả hoạt động, đưa ra các tiêu chuẩn có thể đo lường được, nhấn mạnh lợi ích lâu dài, hơn là suy tính ngắn hạn. Thù lao cần được công bố chi tiết các thành phần: Thù lao, Lợi ích khác, Chi phí cho HĐQT.

Câu 32C:

Tiền lương của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác (tối thiểu Kế toán trưởng) có được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Thông tin về lương thưởng cho Ban giám đốc/ Tổng giám đốc và người quản lý khác được công bố giúp các nhà đầu tư có thể đánh giá chi phí và lợi ích ban điều hành nhận được. Thông tin này rất hữu ích đối với cổ đông khi cân thông qua việc xây dựng chính sách lương thưởng để tạo động lực cho các thành viên điều hành DN có hiệu quả, cũng như để đảm bảo tính công bằng trong việc trả lương cho các thành viên này.

Câu 33C:

Công ty có công bố thông tin Báo cáo thường niên đúng thời hạn theo qui định?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa:

BCTN cung cấp các thông tin về hoạt động kinh doanh, các chiến lược quản trị, tình hình tài chính cũng như các thông tin hoạt động khác của doanh nghiệp năm vừa qua và những kế hoạch, dự định hoạt động trong tương lai. Do đó, công ty công bố BCTN đúng hạn và đầy đủ nội dung có ý nghĩa quan trọng, cung cấp kịp thời những thông tin hữu ích đến các bên liên quan.

Câu 34C:

Công ty có công bố thông tin về Báo cáo Tài chính năm được kiểm toán và Báo cáo tài chính bán niên được soát xét đúng thời hạn không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: BCTC thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh của DN, nhằm phục vụ cho các đối tượng bên trong lẫn bên ngoài DN, đây là những thông tin quan trọng và cần được cung cấp đúng hạn, nội dung công bố đầy đủ rõ ràng cho nhà đầu tư quyết định, để thị trường nâng cao tính công khai minh bạch.

Câu 35C:

Công ty có công bố thông tin Báo cáo tình hình QTCT định kỳ 6 tháng và năm đúng thời hạn không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Báo cáo tình hình QTCT là một kênh thông tin quan trọng về tình hình quản trị công ty của DN. Báo cáo này cần được công bố định kỳ kịp thời cho cổ đông. Những thông tin trong báo cáo tình hình QTCT rất quan trọng, góp phần đảm bảo quyền được biết các thông tin quan trọng của cổ đông, nâng cao tính công khai minh bạch quản trị trên TTCK của DN.

Câu 36C:

Trang thông tin điện tử của công ty công bố thông tin cập nhật (có thể được tải về): Báo cáo thường niên

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: Để thực hiện CBTT tương đối đơn giản, chi phí thấp và hiệu quả cao, website công ty là một trong số lựa chọn tốt nhất. Nhờ đó các thông tin dù là đợt phát hành lần đầu như báo cáo bạch, thông tin công bố tức thời như điều lệ công ty và quy chế QTCT hay định kỳ như BCTC, BCTN, BTQTCT được phổ biến và cập nhật một cách liên tục. Ngoài ra, CBTT trên website DN còn tạo điều kiện tiếp cận thông tin bình đẳng, kịp thời và hiệu quả cho người sử dụng. Điều lệ và Quy chế QTCT là các thông tin quan trọng cho nhà đầu tư, cần được DN quan tâm công bố đầy đủ.

Câu 37C:

Trang thông tin điện tử của công ty công bố thông tin cập nhật (có thể được tái vẽ): BCTC quý, bán niên và năm gần nhất

Căn cứ: Thông tư 155

Ý nghĩa: Để thực hiện CBTT tương đối đơn giản, chi phí thấp và hiệu quả cao, website công ty là một trong số lựa chọn tốt nhất. Nhờ đó các thông tin dù là đợt phát hành lần đầu như bản cáo bạch, thông tin công bố tức thời như điều lệ công ty và quy chế QTCT hay định kỳ như BCTC, BCTN, BTQTCT được phổ biến và cập nhật một cách liên tục. Ngoài ra, CBTT trên website DN còn tạo điều kiện tiếp cận thông tin bình đẳng, kịp thời và hiệu quả cho người sử dụng. Điều lệ và Quy chế QTCT là các thông tin quan trọng cho nhà đầu tư, cần được DN quan tâm công bố đầy đủ.

Câu 38C:

Trang thông tin điện tử của công ty công bố thông tin cập nhật (có thể được tái vẽ): Điều lệ công ty & Quy chế QTCT

Căn cứ: Thông tư 155

Ý nghĩa: Để thực hiện CBTT tương đối đơn giản, chi phí thấp và hiệu quả cao, website công ty là một trong số lựa chọn tốt nhất. Nhờ đó các thông tin dù là đợt phát hành lần đầu như bản cáo bạch, thông tin công bố tức thời như điều lệ công ty và quy chế QTCT hay định kỳ như BCTC, BCTN, BTQTCT được phổ biến và cập nhật một cách liên tục. Ngoài ra, CBTT trên website DN còn tạo điều kiện tiếp cận thông tin bình đẳng, kịp thời và hiệu quả cho người sử dụng. Điều lệ và Quy chế QTCT là các thông tin quan trọng cho nhà đầu tư, cần được DN quan tâm công bố đầy đủ.

Câu 39C:

Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt GDBLQ trọng yếu/quan trọng?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD

Ý nghĩa: Cổ đông thường có quyền thông qua hoặc bổ nhiệm một bên độc lập thực hiện các chính sách rà soát và phê duyệt các giao dịch lớn và đặc biệt là các giao dịch với các bên liên quan của DN, điều này nhằm hạn chế việc HĐQT hoặc Ban giám đốc lợi dụng các giao dịch lớn để mang lại lợi ích cá nhân và ảnh hưởng lợi ích của cổ đông. Một chính sách về rà soát, phê duyệt GDBLQ trọng yếu chặt chẽ cho phép cơ chế ngăn ngừa mâu thuẫn lợi ích làm thiệt hại cho cổ đông, đặc biệt cổ đông nhỏ, cổ đông bên ngoài.

Câu 40C:

Công ty có công bố tên của bên liên quan, mối quan hệ, bản chất và giá trị cho mỗi GDBLQ trọng yếu/quan trọng?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Với mục tiêu minh bạch thông tin của các GDBLQ trọng yếu, các yêu cầu CBTT bao gồm công bố bản chất, giá trị giao dịch, tên và mối quan hệ của bên liên quan. Đồng thời các bên sử dụng thông tin cũng cần được nắm rõ liệu các giao dịch có được thực hiện đúng quy định và theo nguyên tắc của thị trường hay không.

Câu 41C:

Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người nội bộ của công ty thực hiện?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: Người nội bộ tiếp cận được nhiều thông tin về công ty hơn người bên ngoài và thị trường. Do vậy để đảm bảo minh bạch thông tin, các giao dịch cổ phiếu công ty của người nội bộ cần được kịp thời công bố.

Câu 42C:

Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Nhà đầu tư cần biết thông tin tốt nhất về những người đại diện cho quyền lợi của mình - thành viên HĐQT - để có thể đánh giá sự phù hợp, kinh nghiệm, năng lực, mức độ cam kết thực thi vai trò trách nhiệm giám sát doanh nghiệp.

Câu 43C:

Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Công bố nội dung này giúp nhà đầu tư có thể theo dõi sát hoạt động của từng thành viên HĐQT, biết được phần nào hiệu quả hoạt động của HĐQT và có thể cân nhắc những quyết định quan trọng liên quan đề cử, bầu cử nhân sự bộ máy HĐQT.

Câu 44D:

Hội đồng Quản trị có đủ số lượng thành viên theo quy định không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Căn cứ trên quy định của pháp luật cũng như nhu cầu cụ thể của công ty và cổ đông; chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của HĐQT, doanh nghiệp xác định cơ cấu, quy mô số lượng cụ thể thành viên HĐQT để đảm bảo: thành phần đa dạng của HĐQT, tổ chức các cuộc họp hiệu quả và có tính chất xây dựng; đưa ra quyết định kịp thời hợp lý; tổ chức một cách hiệu quả công việc của các tiểu ban chuyên trách trực thuộc HĐQT.

Câu 45D:

HĐQT của công ty có đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Việc đảm bảo tính khách quan và độc lập của HĐQT đóng vai trò quan trọng, bởi đây là tiền đề để HĐQT thực hiện việc giám sát một cách có hiệu quả, ngăn ngừa xung đột lợi ích và tăng cường năng lực cạnh tranh của công ty. Một trong những yếu tố cơ bản để đảm bảo tính khách quan của HĐQT là duy trì một tỉ lệ thành viên HĐQT độc lập hiện diện trong HĐQT để đảm bảo tính khách quan và độc lập của HĐQT.

Câu 46D:

Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị nào đồng thời nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị của trên 05 Doanh nghiệp khác không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Nếu tham gia quá nhiều vị trí HĐQT sẽ làm giảm thời gian các thành viên HĐQT dành để làm tròn nhiệm vụ tại từng DN. Ngoài ra, việc một thành viên HĐQT tham gia vào nhiều HĐQT khác nhau có thể ảnh hưởng đến tính độc lập trong các quyết định.

Câu 47D:

Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự đa dạng giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Tiêu chuẩn đa dạng trong HĐQT cho phép HĐQT có được sự đa chiều trong nhìn nhận các vấn đề, từ đó có được các quyết sách giải quyết vấn đề hiệu quả, toàn diện. Yếu tố đa dạng của HĐQT đặt ra các yêu cầu về đa dạng trong kiến thức, kinh nghiệm, tuổi tác, giới tính, quốc tịch, chủng tộc... trong đó đa dạng kinh nghiệm và kiến thức, đa dạng giới tính là các yếu tố được quan tâm chú trọng.

Câu 48D:

Cơ cấu Hội đồng quản trị có đảm bảo sự cân đối về giới không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Tiêu chuẩn đa dạng trong HĐQT cho phép HĐQT có được sự đa chiều trong nhìn nhận các vấn đề, từ đó có được các quyết sách giải quyết vấn đề hiệu quả, toàn diện. Yếu tố đa dạng của HĐQT đặt ra các yêu cầu về đa dạng trong kiến thức, kinh nghiệm, tuổi tác, giới tính, quốc tịch, chủng tộc... trong đó đa dạng kinh nghiệm và kiến thức, đa dạng giới tính là các yếu tố được quan tâm chú trọng.

Câu 49D:

Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới trên mức cơ bản luật định?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Vai trò của HĐQT là đại diện cho cổ đông và các bên hữu quan thực thi trách nhiệm giám sát hoạt động, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh bền vững lâu dài của doanh nghiệp. Để tuyển chọn, đề cử các thành viên xứng đáng, phù hợp cho HĐQT đòi hỏi cần có quy trình rõ ràng, cụ thể với các tiêu chí rõ ràng, và cao hơn mức cơ bản luật định để có thể cho phép có sự chuẩn bị sớm các nhân sự lãnh đạo giỏi, có thể giúp doanh nghiệp phát triển đạt được các mục tiêu dài hạn, và thực thi được sứ mệnh của mình.

Câu 50D:

HĐQT có bổ nhiệm/ chỉ định ít nhất 1 người làm Người phụ trách quản trị công ty hay không?

Căn cứ: Thông tư 95



Ý nghĩa: Để bộ máy HĐQT có thể thực hiện vai trò của mình hiệu quả thì cần có sự hỗ trợ đắc lực của người Phụ trách QTCT hoặc Thư ký công ty với kiến thức và kinh nghiệm phù hợp.

Câu 51D:

Hội đồng quản trị có tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần?

Căn cứ: Thông tư 95



Ý nghĩa: Vai trò của Hội đồng quản trị là vai trò tập thể, do đó, các cuộc họp của Hội đồng quản trị là hết sức quan trọng để thảo luận, phân tích, xem xét, thông qua các quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp. Số lần họp tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp là bốn lần một năm, tức là mỗi quý một lần để tổng hợp, trao đổi và quyết định các vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của HĐQT. Việc họp quá ít hoặc quá nhiều có thể thể hiện sự kém hiệu quả của HĐQT trong thực thi vai trò, trách nhiệm của mình.

Câu 52D:

Báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT năm có phải do Thành viên Độc lập đánh giá không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa:

Để phát huy vai trò HĐQT trong việc giám sát hiệu quả, ngăn ngừa xung đột lợi ích và tăng cường khả năng cạnh tranh của công ty, cần có một đánh giá khách quan, thực chất về hoạt động của HĐQT. Việc có được sự đánh giá độc lập từ thành viên HĐQT độc lập với tư cách người giám sát khách quan sẽ có thể giúp cung cấp thông tin trung thực về hoạt động HĐQT trong năm.

Câu 53D:

Báo cáo hoạt động của HĐQT có bao gồm Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Báo cáo hoạt động của HĐQT được lập nên với mục đích tổng hợp hoạt động của HĐQT trong năm, tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT, đồng thời ghi nhận các mục tiêu và kế hoạch trong tương lai của DN. Báo cáo HĐQT nêu cung cấp thông tin đầy đủ sẽ cho phép đánh giá hiệu suất hoạt động và kết quả đạt được trong công việc giám sát, định hướng chiến lược của HĐQT, bởi lẽ HĐQT làm việc tốt và hiệu quả thu hút sự quan tâm và tạo lòng tin cho các nhà đầu tư.

Câu 54D:

Báo cáo hoạt động của HĐQT có bao gồm Các kế hoạch trong tương lai?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Báo cáo hoạt động của HĐQT được lập nên với mục đích tổng hợp hoạt động của HĐQT trong năm, tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT, đồng thời ghi nhận các mục tiêu và kế hoạch trong tương lai của DN. Báo cáo HĐQT nêu cung cấp thông tin đầy đủ sẽ cho phép đánh giá hiệu suất hoạt động và kết quả đạt được trong công việc giám sát, định hướng chiến lược của HĐQT, bởi lẽ HĐQT làm việc tốt và hiệu quả thu hút sự quan tâm và tạo lòng tin cho các nhà đầu tư.

Câu 55D:

Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Chủ tịch là người lãnh đạo, điều hành HĐQT để ra các định hướng, chiến lược phát triển công ty và giám sát Ban điều hành, trong khi Tổng giám đốc/Giám đốc là người thực thi chiến lược, điều hành hoạt động hàng ngày của công ty. Nếu tồn tại việc kiêm nhiệm hai chức danh này sẽ hạn chế vai trò giám sát độc lập, và/hoặc giảm hiệu lực HĐQT trong việc ngăn ngừa các xung đột lợi ích giữa ban điều hành và cổ đông, ban điều hành và các bên liên quan, và giữa các nhóm cổ đông.

Câu 56D:

Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: HĐQT được đại hội đồng cổ đông bầu ra để lãnh đạo doanh nghiệp, giám sát điều hành, và bảo vệ quyền và lợi ích của tất cả cổ đông. Vì vậy, một trong những tiêu chí quan trọng của HĐQT, Chủ tịch HĐQT là cần đảm bảo tính độc lập để quá trình ra quyết định được khách quan, ngăn ngừa được các xung đột lợi ích tiềm ẩn giữa các nhóm cổ đông, giữa cổ đông và ban điều hành.

Câu 57D:

Công ty có thành lập các tiểu ban sau: tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng không?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: HĐQT cần thành lập các tiểu ban chuyên trách để phụ trách cụ thể việc thực thi các vai trò quan trọng của HĐQT: vai trò xây dựng chiến lược, chính sách phát triển cho doanh nghiệp, vai trò xây dựng tuyển chọn đội ngũ lãnh đạo kế thừa, vai trò xây dựng chính sách thù lao lương thưởng hợp lý. Các tiểu ban cần có người đứng đầu là các thành viên có thể phát huy hiệu quả vai trò độc lập, khách quan.

Câu 58D:

Các tiểu ban trực thuộc HĐQT (tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng) có phải do Thành viên độc lập làm chủ tịch tiểu ban không?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: HĐQT cần thành lập các tiểu ban chuyên trách để phụ trách cụ thể việc thực thi các vai trò quan trọng của HĐQT: vai trò xây dựng chiến lược, chính sách phát triển cho doanh nghiệp, vai trò xây dựng tuyển chọn đội ngũ lãnh đạo kế thừa, vai trò xây dựng chính sách thù lao lương thưởng hợp lý. Các tiểu ban cần có người đứng đầu là các thành viên có thể phát huy hiệu quả vai trò độc lập, khách quan.

Câu 59D:

Trưởng Ban kiểm soát/Chủ tịch Tiểu ban Kiểm toán có đảm bảo tính độc lập không? (Quy định về tính độc lập của BKS tương tự như qui định cho thành viên HĐQT)

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Ban kiểm soát/ Tiểu ban kiểm toán có vai trò giám sát công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp, đảm bảo rằng các rủi ro kế toán tài chính sẽ được ngăn ngừa. Vai trò độc lập của Trưởng Ban kiểm soát/ Chủ tịch Tiểu ban kiểm toán là quan trọng trong việc đảm bảo phát huy hiệu quả vai trò giám sát độc lập của mình.

Câu 60D:

Trưởng Ban kiểm soát/Chủ tịch Tiểu ban kiểm toán có chuyên môn/kinh nghiệm về kế toán, kiểm toán hoặc tài chính không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Những lĩnh vực tập trung cần BKS hay Tiểu ban Kiểm toán xem xét bao gồm: Các vấn đề kế toán và chính sách, rà soát lại thông tin tài chính; quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ và quy trình kiểm toán; các vấn đề kiểm toán độc lập và báo cáo kiểm toán; có thể xem xét thêm các vấn đề pháp lý và tuân thủ. Vì vậy Trưởng BKS/Chủ tịch Tiểu ban kiểm toán cần có chuyên môn/kinh nghiệm về kế toán, kiểm toán hoặc tài chính để thực hiện công việc đạt hiệu quả cao.

Câu 61D:

Có bằng chứng cho thấy Hội đồng Quản trị thực hiện đánh giá Tổng Giám đốc/Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc/Ban Giám đốc hàng năm hay không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: Giám đốc hoặc tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Việc đánh giá TGD/ Giám đốc sẽ làm cho hoạt động của Ban điều hành phát triển tốt hơn.

Câu 62D:

Công ty có ban hành và công bố Bộ quy tắc ứng xử/Đạo đức không?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Bộ quy tắc ứng xử/Đạo đức có vai trò là lộ trình định hướng bằng việc đặt ra các chính sách và nguyên tắc ứng xử trong kinh doanh dành cho tất cả giám đốc, cán bộ và nhân viên của công ty để tuân thủ trong công việc hàng ngày. Việc đề ra và ban hành các nguyên tắc cơ bản để định hướng hành động, kết nối các giá trị cốt lõi của toàn bộ công ty thông qua Bộ quy tắc ứng xử/Đạo đức làm tăng thêm giá trị và hình ảnh công ty trong thị trường.

Câu 63D:

Thành viên Hội đồng Quản trị có tham gia các khóa đào tạo về Quản trị công ty trong năm vừa qua không?

Căn cứ: Thông tư 155



Ý nghĩa: HĐQT cần tham gia các khóa đào tạo về QTCT để được cập nhật kiến thức và kỹ năng về QTCT nhằm nâng cao phát huy vai trò và trách nhiệm của mình trong công ty, góp phần tăng cường hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro và nâng cao khả năng huy động vốn của các công ty, nâng cao tính minh bạch của thị trường.

Câu 64D:

Có bằng chứng về việc Ban kiểm soát hoặc Tiểu ban kiểm toán có đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát hoặc Tiểu ban kiểm toán với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc/ Ban Giám đốc không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: BKS hoặc Tiểu ban Kiểm toán có vai trò giám sát kiểm soát rủi ro kế toán tài chính, giám sát nội bộ đối với quản trị công ty, có nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc công ty. Sự phối hợp giữa 3 ban này thể hiện ở chỗ BKS hoặc Tiểu ban Kiểm toán có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu. Việc đánh giá phối hợp các bên này cung cấp thông tin về hiệu quả phối hợp của 3 bên này cũng như hiệu quả của BKS/Tiểu ban kiểm toán trong thực thi vai trò trách nhiệm.

Câu 65D:

Có bằng chứng về việc Ban kiểm soát hoặc Tiểu ban kiểm toán thực hiện đánh giá về Công ty Kiểm toán độc lập và Báo cáo Tài chính không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Thực hiện thẩm định BCTC và đánh giá công ty Kiểm toán độc lập là nhiệm vụ cơ bản của BKS hoặc Tiểu ban Kiểm toán với vai trò tư vấn độc lập để bảo đảm sự hợp lệ, hợp pháp, và theo mục tiêu của công ty

Câu 66D:

Sự tham gia của từng thành viên trong các cuộc họp của Ban kiểm soát/Tiểu ban Kiểm toán có được công bố công khai?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: BKS hoặc Tiểu ban Kiểm toán hoạt động hiệu quả nhờ đóng góp tích cực của các thành viên, do vậy tình hình tham gia hoạt động của từng thành viên trong các cuộc họp để trao đổi và thống nhất mục tiêu, nhiệm vụ là hết sức cần thiết để hoàn thành vai trò giám sát nội bộ và tư vấn độc lập trong các lĩnh vực hoạt động của công ty. Công bố công khai số lần họp và sự tham gia của từng thành viên tương ứng còn thể hiện được tinh thần trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của các thành viên.

Câu 67D:

Ban kiểm soát /Tiểu ban Kiểm toán có tổ chức họp ít nhất 2 lần trong năm vừa qua?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Việc thường xuyên họp bàn thảo luận của các thành viên ban kiểm soát cho phép ban kiểm soát kịp thời kiểm tra giám sát, thảo luận các vấn đề liên quan đến tính tuân thủ của công ty, giám sát kế toán tài chính, quản lý rủi ro, thảo luận đánh giá hiệu quả của kiểm toán độc lập và thực thi các trách nhiệm khác của mình.

Câu 68D:

Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Người sử dụng thông tin tài chính và các bên tham gia thị trường cần được thông tin về các rủi ro quan trọng và các cơ chế phòng ngừa quản lý các rủi ro này để có thể tiên liệu trước về tình hình kinh doanh từ đó có những quyết định đầu tư hợp lý.

Câu 69D:

Báo cáo của HĐQT có bao gồm nội dung về vai trò lãnh đạo của HĐQT trong quá trình xây dựng, theo dõi/giám sát thực thi chiến lược của công ty?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Một trong những vai trò của HĐQT là định hướng, xây dựng và theo dõi thực thi chiến lược phát triển của công ty, giám sát hiệu quả công tác quản lý, thông qua. Báo cáo hoạt động của HĐQT được lập nên với mục đích tổng hợp hoạt động của HĐQT trong năm, giúp đánh giá hiệu suất hoạt động và kết quả đạt được trong công việc giám sát, định hướng chiến lược của HĐQT, bởi lẽ HĐQT làm việc tốt và hiệu quả sẽ thu hút được sự quan tâm và tạo lòng tin cho các nhà đầu tư.

CÁC CÂU HỎI CẤP 2: CÂU CỘNG ĐIỂM HOẶC TRỪ ĐIỂM

Câu 70 (Bonus):

Công ty có lập và công bố Báo cáo PTBV được quốc tế công nhận (theo tiêu chuẩn GRI, Báo cáo Tích hợp, SASB)?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Phát triển bền vững đang trở thành một nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế thế giới, nhằm đảm bảo cân bằng hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường với phát triển xã hội. Đây là trách nhiệm chung cần có sự phối hợp đồng bộ và cần nhiều nỗ lực hơn nữa từ các nhà hoạch định chính sách, các thành viên tham gia thị trường. Theo đó, công ty cần lập và công bố báo cáo PTBV theo chuẩn mực được quốc tế công nhận trình bày rõ hơn triển vọng phát triển dài hạn của công ty thông qua các mục tiêu phát triển bền vững, cho thấy sự tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, cũng như cách thức doanh nghiệp quản lý những tác động và rủi ro có liên quan đến môi trường và xã hội.

Câu 71 (Bonus):

Doanh nghiệp có công bố phí kiểm toán và phí phi kiểm toán (phí thu được từ các dịch vụ khác mà công ty kiểm toán cung cấp)?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Tính độc lập của kiểm toán là yêu cầu thiết yếu đảm bảo vai trò đánh giá khách quan, trung thực của kiểm toán. Việc công ty công bố phí kiểm toán và phí phi kiểm toán của công ty kiểm toán độc lập cho phép các bên hữu quan của công ty có thể đánh giá tính độc lập của dịch vụ kiểm toán được cung cấp cho doanh nghiệp.

Câu 72 (Penalty):

Công ty có bị kết luận vi phạm nào về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, ban điều hành và nhân viên công ty kể từ đầu năm tài chính đến nay?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Hành vi giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, ban điều hành và nhân viên công ty cần được ngăn chặn và xử lý vi phạm bởi cơ quan có thẩm quyền vì nó đem lại lợi ích cá nhân cho người giao dịch nhưng gây thiệt hại cho lợi ích chung của cổ đông.

Câu 73 (Penalty):

Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu kể từ đầu năm tài chính đến nay không?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Trường hợp không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu cần được nhận diện và xử lý vi phạm vì thị trường cần biết công ty có được điều hành vì lợi ích chung của các nhà đầu tư hay không.

Câu 74 (Penalty):

Công ty có bị SGDCK/UBCKNN nhắc nhở, xử lý vi phạm liên quan đến CBTT hoặc vi phạm các nghĩa vụ khác của công ty niêm yết hay không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Các DNNY thường rất chú trọng việc CBTT và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của DNNY bởi họ hiểu được phải đảm bảo tính minh bạch, thông tin chính xác, trung thực, liên tục, kịp thời và chịu hoàn toàn trách nhiệm các thông tin được công bố, cũng như mối quan hệ của doanh nghiệp đến các bên có lợi ích liên quan như các cổ đông hiện tại và tiềm năng, nhà cung cấp, khách hàng... Trường hợp có những vi phạm xảy ra thì quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan bị ảnh hưởng nên cần thiết bị chế tài, xử lý vi phạm bởi cơ quan có thẩm quyền.

Câu 75 (Penalty):

Công ty có nhận được "ý kiến ngoại trừ" trong báo cáo kiểm toán độc lập không có giải trình kèm theo?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: Thông tin tài chính là một trong những nội dung cơ bản và được sử dụng rộng rãi nhất. Tuy nhiên, bên cạnh việc công bố đầy đủ và kịp thời các báo cáo tài chính định kỳ, trường hợp công ty có "ý kiến ngoại trừ" của kiểm toán độc lập thì các thông tin giải trình đi kèm đóng vai trò rất quan trọng, cung cấp thêm thông tin cho nhà đầu tư.

Câu 76 (Penalty):

Công ty có phát hành lại Báo cáo Tài chính kiểm toán trong năm vừa qua vì những lý do khác với lý do thay đổi trong chính sách kế toán?

Căn cứ: Nguyên tắc G20/OECD



Ý nghĩa: BCTC kiểm toán là một trong những thông tin quan trọng mà doanh nghiệp niêm yết buộc phải công bố và là cơ sở để nhà đầu tư đánh giá chất lượng tài chính, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc doanh nghiệp phát hiện những sai lệch trọng yếu, hay phải điều chỉnh, phát hành lại báo cáo dù đã được kiểm toán ảnh hưởng nghiêm trọng đến niềm tin của nhà đầu tư.

Câu 77 (Penalty):

Thành viên Ban Kiểm soát/Tiểu ban kiểm toán có làm việc trong bộ phận tài chính, kế toán của công ty không?

Căn cứ: Nghị định 71



Ý nghĩa: Nhằm thực thi vai trò độc lập trong kiểm tra, giám sát tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, BKS hoặc Tiểu ban Kiểm toán cần phải duy trì tính độc lập. Thành viên BKS hoặc Tiểu ban Kiểm toán làm việc trong bộ phận tài chính, kế toán của công ty có nhiều khả năng đánh giá cho chính công việc của mình, từ đó làm giảm tính độc lập.

**DANH SÁCH DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT
ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY
TRONG NĂM 2018**

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
1	AAA	CTCP Nhựa và Môi trường xanh An Phát
2	ABT	CTCP XNK Thủy Sản Bến Tre
3	ACB	Ngân hàng TMCP Á Châu
4	ACC	CTCP Bê Tông Becamex
5	ACL	CTCP XNK Thủy Sản Cửu Long An Giang
6	ACM	CTCP Tập đoàn Khoáng sản Á Cường
7	ADS	CTCP DAMSAN
8	AGM	CTCP Xuất Nhập Khẩu An Giang
9	AGR	CTCP CK NH Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam
10	ALV	CTCP Đầu tư Phát triển hạ tầng ALV
11	AMC	CTCP Khoáng sản Á Châu
12	AMD	CTCP Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD
13	AMV	CTCP Sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
14	ANV	CTCP Nam Việt (Navico)
15	APC	CTCP Chiếu Xạ An Phú
16	APG	CTCP Chứng Khoán An Phát
17	API	CTCP Đầu tư Châu Á - Thái Bình Dương
18	APS	CTCP Chứng khoán Châu Á - Thái Bình Dương
19	ASA	CTCP Hàng tiêu dùng ASA
20	ASM	CTCP Tập Đoàn Sao Mai
21	ASP	CTCP Tập Đoàn Dầu Khí Anpha
22	ATG	CTCP An Trường An
23	ATS	CTCP Suất ăn công nghiệp Atesco
24	BBC	CTCP Bibica
25	BCC	CTCP Xi măng Bim Sơn
26	BCE	CTCP Xây Dựng và Giao Thông Bình Dương
27	BCG	CTCP Bamboo Capital
28	BFC	CTCP Phân bón Bình Điền
29	BIC	Tổng CTCP Bảo Hiểm NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam
30	BID	Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam
31	BMC	CTCP Khoáng Sản Bình Định
32	BMI	Tổng CTCP Bảo Minh
33	BMP	CTCP Nhựa Bình Minh
34	BPC	CTCP Vicem Bao bì Bim sơn
35	BRC	CTCP Cao Su Bến Thành
36	BSI	CTCP CK NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam
37	BTP	CTCP Nhiệt Điện Bà Rịa
38	BVH	Tập Đoàn Bảo Việt
39	BVS	CTCP Chứng khoán Bảo Việt
40	BWE	CTCP Nước - Môi trường Bình Dương
41	C32	CTCP Đầu Tư Xây Dựng 3-2
42	C47	CTCP Xây Dựng 47

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
43	C69	CTCP Xây dựng 1369
44	CAP	CTCP lâm nông sản thực phẩm Yên Bái
45	CAV	CTCP Dây Cáp Điện Việt Nam
46	CCI	CTCP Đầu Tư Phát Triển Công Nghiệp Thương Mại Củ Chi
47	CCL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Dầu Khí Cửu Long
48	CDC	CTCP Chương Dương
49	CDN	CTCP Cảng Đà Nẵng
50	CEE	CTCP Xây dựng hạ tầng CII
51	CEO	CTCP Tập đoàn C.E.O
52	CET	CTCP Tech - Vina
53	CHP	CTCP Thủy Điện Miền Trung
54	CII	CTCP Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM
55	CLC	CTCP Cát Lợi
56	CLG	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Nhà Đất Cotec
57	CMG	CTCP Tập Đoàn Công Nghệ CMC
58	CMS	CTCP Xây dựng và Nhân lực Việt Nam
59	CMX	CTCP Chế Biến Thủy Sản và XNK Cà Mau
60	CNG	CTCP CNG Việt Nam
61	CSC	CTCP Tập đoàn COTANA
62	CSM	CTCP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
63	CSV	CTCP Hóa chất Cơ bản miền Nam
64	CTD	CTCP Xây Dựng Cotecons
65	CTF	CTCP City Auto
66	CTG	Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam
67	CTI	CTCP Đầu Tư Phát Triển Cường Thuận Idico
68	CTP	CTCP Cà Phê Thương Phú
69	CTS	CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
70	CVN	CTCP VINAM
71	CVT	CTCP CMC
72	D2D	CTCP Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2
73	DAD	CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
74	DAG	CTCP Tập Đoàn Nhựa Đông Á
75	DAH	CTCP Tập đoàn Khách sạn Đông Á
76	DBC	CTCP Tập đoàn DABACO Việt Nam
77	DBT	CTCP Dược phẩm Bến Tre
78	DC4	CTCP DIC số 4
79	DCL	CTCP Dược Phẩm Cửu Long
80	DCM	CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau
81	DCS	CTCP Tập Đoàn Đại Châu
82	DGC	CTCP Bột giặt và Hóa chất Đức Giang
83	DGW	CTCP Thế Giới Số
84	DHA	CTCP Hóa An
85	DHC	CTCP Đông hải Bến Tre
86	DHG	CTCP Dược Hậu Giang
87	DHM	CTCP Thương Mại & Khai Thác Khoáng Sản Dương Hiếu
88	DHP	CTCP Điện cơ Hải Phòng
89	DHT	CTCP Dược phẩm Hà Tây
90	DIC	CTCP Đầu Tư và Thương Mại DIC
91	DIG	Tổng CTCP Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÁC DNNY VIỆT NAM NĂM 2018

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
92	DIH	CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng - Hội An
93	DL1	CTCP Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long - Gia Lai
94	DLG	CTCP Tập Đoàn Đức Long Gia Lai
95	DMC	CTCP XNK Y Tế Domesco
96	DNP	CTCP Nhựa Đồng Nai
97	DNY	CTCP Thép Dana-Ý
98	DP3	CTCP Dược phẩm Trung ương 3
99	DPM	Tổng Cty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí -CTCP
100	DPR	CTCP Cao Su Đồng Phú
101	DPS	CTCP Đầu tư Phát triển Sóc Sơn
102	DQC	CTCP Bóng đèn Điện Quang
103	DRC	CTCP Cao Su Đà Nẵng
104	DRH	CTCP Đầu Tư Căn Nhà Mơ Ước
105	DS3	CTCP Quản lý Đường sông số 3
106	DSN	CTCP Công Viên Nước Đầm Sen
107	DST	CTCP Đầu tư Sao Thăng Long
108	DTA	CTCP Đệ Tam
109	DTL	CTCP Đại Thiên Lộc
110	DXG	CTCP Dịch Vụ và Xây Dựng Địa Ốc Đất Xanh
111	DXP	CTCP Cảng Đoạn Xá
112	DXV	CTCP Vicem VLXD Đà Nẵng
113	DZM	CTCP Chế tạo máy Dژی An
114	EBS	CTCP Sách giáo dục tại TP, Hà Nội
115	EIB	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam
116	EID	CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
117	ELC	CTCP Đầu Tư Phát Triển Công Nghệ Điện Tử Viễn thông
118	EMC	CTCP Cơ điện Thủ Đức
119	EVE	CTCP Everpia Việt Nam
120	EVG	CTCP Đầu tư Everland
121	FCM	CTCP Khoáng sản FECON
122	FCN	CTCP Fecon
123	FIT	CTCP Tập đoàn F.I.T
124	FLC	CTCP Tập Đoàn FLC
125	FMC	CTCP Thực Phẩm Sao Ta
126	FPT	CTCP FPT
127	FTM	CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân
128	FTS	CTCP Chứng khoán FPT
129	GAS	Tổng Công ty Khí Việt Nam-CTCP
130	GDT	CTCP Chế Biến Gỗ Đức Thành
131	GIL	CTCP SXKD XNK Bình Thạnh
132	GKM	CTCP Gạch Khang Minh
133	GMC	CTCP SX TM May Sài Gòn
134	GMD	CTCP GEMADEPT
135	GSP	CTCP Vận Tải Sản Phẩm Khí Quốc Tế
136	GTA	CTCP Chế Biến Gỗ Thuận An
137	GTN	CTCP GTNFOODS
138	HAG	CTCP Hoàng Anh Gia Lai
139	HAH	CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
140	HAI	CTCP Nông Dược Hai
141	HAP	CTCP Tập Đoàn Hapaco
142	HAR	CTCP Đầu tư Thương Mại Bất Động Sản An Dương Thảo Điền
143	HAS	CTCP Hacisco
144	HAT	CTCP Thương mại Bia Hà Nội
145	HAX	CTCP Dịch Vụ Ô tô Hàng Xanh
146	HBC	CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình
147	HBS	CTCP Chứng khoán Hòa Bình
148	HCC	CTCP Bê tông Hòa Cầm - Intimex
149	HCD	CTCP Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD
150	HCM	CTCP Chứng Khoán TP HCM
151	HDA	CTCP Hãng sơn Đông Á
152	HDC	CTCP Phát Triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu
153	HDG	CTCP Tập Đoàn Hà Đô
154	HHC	CTCP Bánh kẹo Hải Hà
155	HHG	CTCP Hoàng Hà
156	HHS	CTCP Đầu Tư Dịch Vụ Hoàng Huy
157	HID	CTCP Halcom Việt Nam
158	HII	CTCP Nhựa và Khoáng sản An Phát Yên Bái
159	HJS	CTCP Thủy điện Nậm Mu
160	HKB	CTCP Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội-Kinh Bắc
161	HKT	CTCP Chè Hiệp Khánh
162	HLD	CTCP Đầu tư và phát triển Bất động sản HUDLAND
163	HLG	CTCP Tập Đoàn Hoàng Long
164	HMC	CTCP Kim Khí TP HCM - VNSTEEL
165	HMH	CTCP Hải Minh
166	HNG	CTCP Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai
167	HOM	CTCP Xi măng VICEM Hoàng Mai
168	HPG	CTCP Tập Đoàn Hòa Phát
169	HQC	CTCP TV-TM-DV Địa Ốc Hoàng Quân
170	HRC	CTCP Cao Su Hòa Bình
171	HSG	CTCP Tập Đoàn Hoa Sen
172	HT1	CTCP Xi Măng Hà Tiên 1
173	HTI	CTCP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Idico
174	HTT	CTCP Thương mại Hà Tây
175	HU1	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng HUD1
176	HU3	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng HUD3
177	HUT	CTCP Tasco
178	HVA	CTCP Đầu tư HVA
179	HVT	CTCP Hóa chất Việt Trì
180	ICG	CTCP Xây dựng Sông Hồng
181	IDI	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I
182	IDJ	CTCP Đầu tư IDJ Việt Nam
183	IDV	CTCP Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc
184	IJC	CTCP Phát Triển Hạ Tầng kỹ Thuật
185	IMP	CTCP Dược Phẩm Imexpharm
186	INN	CTCP Bao bì và In Nông nghiệp
187	ITA	CTCP Đầu Tư và Công Nghiệp Tân Tạo
188	ITC	CTCP Đầu Tư Kinh Doanh Nhà

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
189	ITD	CTCP Công Nghệ Tiên Phong
190	ITQ	CTCP Tập đoàn Thiên Quang
191	IVS	CTCP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam
192	JVC	CTCP Thiết Bị Y Tế Việt Nhật
193	KBC	Tổng Cty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc -CTCP
194	KDC	CTCP Tập Đoàn KIDO
195	KDH	CTCP Đầu Tư và Kinh Doanh Nhà Khang Điền
196	KDM	CTCP Đầu tư HP Việt Nam
197	KHP	CTCP Điện Lực Khánh Hòa
198	KKC	CTCP Sản xuất và Kinh doanh Kim khí
199	KLF	CTCP Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF
200	KMR	CTCP Mirae
201	KPF	CTCP Đầu tư Tài chính Hoàng Minh
202	KSB	CTCP Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương
203	KSD	CTCP Đầu tư DNA
204	KSH	CTCP Đầu Tư và Phát Triển KSH
205	KSQ	CTCP Đầu tư KSQ
206	KTS	CTCP Đường KonTum
207	KTT	CTCP Đầu tư thiết bị và Xây lắp điện Thiên Trường
208	KVC	CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu Inox Kim Vĩ
209	L10	CTCP Lilama 10
210	L14	CTCP Licogi 14
211	L44	CTCP Lilama 45.4
212	L61	CTCP Lilama 69-1
213	LAF	CTCP Chế Biến Hàng Xuất Khẩu Long An
214	LAS	CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
215	LBM	CTCP Khoáng Sản và VLXD Lâm Đồng
216	LCG	CTCP Licogi 16
217	LCS	CTCP Licogi 166
218	LDG	CTCP Đầu Tư LDG
219	LDP	CTCP Dược Lâm Đồng - Ladophar
220	LEC	CTCP Bất động sản Điện lực Miền trung
221	LGL	CTCP Đầu Tư và Phát Triển Đô Thị Long Giang
222	LHC	CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng
223	LHG	CTCP Long Hậu
224	LIG	CTCP Licogi 13
225	LIX	CTCP Bột Giặt Lix
226	LM7	CTCP Lilama 7
227	LM8	CTCP Lilama 18
228	LSS	CTCP Mía Đường Lam Sơn
229	LUT	CTCP Đầu tư Xây dựng Lương Tài
230	MAC	CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật hàng hải
231	MAS	CTCP Dịch vụ Hàng Không Sân Bay Đà Nẵng
232	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội
233	MBG	CTCP Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam
234	MBS	CTCP Chứng khoán MB
235	MCC	CTCP Gạch ngói cao cấp
236	MCG	CTCP Cơ Điện và Xây Dựng Việt Nam
237	MCO	CTCP Đầu tư & Xây dựng BDC Việt Nam

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
238	MDG	CTCP Miền Đông
239	MEC	CTCP Cơ khí - Lắp máy Sông Đà
240	MEL	CTCP Thép Mê Lin
241	MHC	CTCP MHC
242	MHL	CTCP Minh Hữu Liên
243	MLS	CTCP Chăn nuôi - Mitraco
244	MNC	CTCP MAI LINH MIỀN TRUNG
245	MPT	CTCP May Phú Thành
246	MSN	CTCP Tập Đoàn Masan
247	MST	CTCP Xây dựng 1.1.6.8
248	MWG	CTCP Đầu Tư Thế Giới Di Động
249	NAF	CTCP Nafoods Group
250	NAG	CTCP Tập Đoàn Nagakawa
251	NBB	CTCP Đầu Tư Năm Bảy Bảy
252	NBC	CTCP Than Núi Béo - Vinacomin
253	NCT	CTCP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài
254	NDN	CTCP Đầu tư phát triển Nhà Đà Nẵng
255	NDX	CTCP Xây lắp Phát triển Nhà Đà Nẵng
256	NET	CTCP Bột Giặt NET
257	NHA	Tổng công ty Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị Nam Hà Nội
258	NHP	CTCP Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP
259	NKG	CTCP Thép Nam Kim
260	NLG	CTCP Đầu tư Nam Long
261	NNC	CTCP Đá Núi Nhỏ
262	NSC	CTCP Giống Cây Trồng Trung Ương
263	NSH	CTCP Nhôm Sông Hồng
264	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
265	NTL	CTCP Phát Triển Đô Thị Từ Liêm
266	NTP	CTCP Nhựa Thiếu niên- Tiên Phong
267	NVB	Ngân hàng TMCP Quốc Dân
268	NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va
269	ONE	CTCP Truyền thông số 1
270	OPC	CTCP Dược Phẩm OPC
271	PAC	CTCP Pin Ác Quy Miền Nam
272	PAN	CTCP Tập Đoàn PAN
273	PBP	CTCP Bao bì Dầu khí Việt Nam
274	PC1	CTCP Xây Lắp Điện I
275	PDB	CTCP Pacific Dinco
276	PDN	CTCP Cảng Đồng Nai
277	PDR	CTCP Phát Triển Bất Động Sản Phát Đạt
278	PET	Tổng CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Dầu Khí
279	PGC	Tổng Cty Gas Petrolimex-CTCP
280	PGD	CTCP Phân Phối Khí Thấp Áp Dầu Khí Việt Nam
281	PGI	Tổng CTCP Bảo Hiểm Petrolimex
282	PGS	CTCP Kinh doanh Khí miền Nam
283	PHC	CTCP Xây dựng Phục Hưng Holdings
284	PHP	CTCP Cảng Hải Phòng
285	PHR	CTCP Cao Su Phước Hòa
286	PJT	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
287	PLC	Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP
288	PLP	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê
289	PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
290	PMB	CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc
291	PMC	CTCP Dược phẩm dược liệu Pharmedic
292	PMP	CTCP Bao bì Đạm Phú Mỹ
293	PMS	CTCP Cơ khí xăng dầu
294	PNJ	CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
295	POM	CTCP Thép Pomina
296	PPC	CTCP Nhiệt Điện Phả Lại
297	PPS	CTCP Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam
298	PSD	CTCP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí
299	PTB	CTCP Phú Tài
300	PTC	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Bru Điện
301	PTS	CTCP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng
302	PV2	CTCP Đầu tư PV2
303	PVB	CTCP Bọc Ống Dầu khí Việt Nam
304	PVD	Tổng CTCP Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí
305	PVE	Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP
306	PVG	CTCP Kinh doanh Khí miền Bắc
307	PVI	CTCP PVI
308	PVS	Tổng CTCP Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam
309	PVT	Tổng CTCP Vận Tải Dầu Khí
310	PXS	CTCP Kết Cấu Kim Loại và Lắp Máy Dầu Khí
311	PXT	CTCP Xây Lắp Đường Ống Bể Chứa Dầu Khí
312	QBS	CTCP Xuất nhập khẩu Quảng Bình
313	QCG	CTCP Quốc Cường Gia Lai
314	QHD	CTCP Que hàn điện Việt Đức
315	QTC	CTCP Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam
316	RAL	CTCP Bóng Đèn Phích Nước Rạng Đông
317	RDP	CTCP Nhựa Rạng Đông
318	REE	CTCP Cơ Điện Lạnh
319	ROS	CTCP Xây dựng FLC Faros
320	S4A	CTCP Thủy điện Sê San 4A
321	S55	CTCP Sông Đà 505
322	S74	CTCP Sông Đà 7.04
323	S99	CTCP SCI
324	SAB	Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn
325	SAM	CTCP SAM HOLDINGS
326	SAV	CTCP Hợp Tác Kinh Tế và XNK Savimex
327	SBA	CTCP Sông Ba
328	SBT	CTCP Thành Thành Công- Biên Hòa
329	SBV	CTCP Siam Brothers Việt Nam
330	SC5	CTCP Xây Dựng Số 5
331	SCD	CTCP Nước Giải Khát Chương Dương
332	SCJ	CTCP Xi măng Sài Sơn
333	SCR	CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín
334	SD2	CTCP Sông Đà 2
335	SD4	CTCP SÔNG ĐÀ 4

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
336	SD5	CTCP Sông Đà 5
337	SD6	CTCP Sông Đà 6
338	SD9	CTCP Sông Đà 9
339	SDP	CTCP SDP
340	SDT	CTCP Sông Đà 10
341	SEB	CTCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN TRUNG
342	SED	CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
343	SFG	CTCP Phân bón Miền Nam
344	SFI	CTCP Đại Lý Vận Tải Safi
345	SFN	CTCP Dệt lưới Sài Gòn
346	SGT	CTCP Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn
347	SHA	CTCP Sơn Hà Sài Gòn
348	SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
349	SHI	CTCP Quốc Tế Sơn Hà
350	SHN	CTCP Đầu tư Tổng hợp Hà Nội
351	SHS	CTCP chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
352	SIC	CTCP ANI
353	SJD	CTCP Thủy Điện Cần Đơn
354	SJF	CTCP Đầu tư Sao Thái Dương
355	SJS	CTCP Đầu Tư Phát Triển Đô Thị và KCN Sông Đà
356	SKG	CTCP Tàu Cao Tốc Superdong - Kiên Giang
357	SLS	CTCP Mía đường Sơn La
358	SMA	CTCP Thiết Bị Phụ Tùng Sài Gòn
359	SMC	CTCP Đầu Tư Thương Mại SMC
360	SMT	CTCP Vật liệu Điện và Viễn thông Sam Cường
361	SPI	CTCP SPI
362	SPM	CTCP S.P.M
363	SPP	CTCP Bao bì Nhựa Sài Gòn
364	SRC	CTCP Cao Su Sao Vàng
365	SRF	CTCP Kỹ Nghệ Lạnh
366	SSC	CTCP Giống Cây Trồng Miền Nam
367	SSI	CTCP Chứng Khoán Sài Gòn
368	ST8	CTCP Siêu Thanh
369	STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
370	STG	CTCP Kho Vận Miền Nam
371	STK	CTCP Sợi Thê Kỳ
372	SVC	CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn
373	SVN	CTCP SOLAVINA
374	SZL	CTCP Sonadezi Long Thành
375	TA9	CTCP Xây lắp Thanh An 96
376	TAC	CTCP Dầu Thực Vật Tường An
377	TC6	CTCP Than Cọc Sáu - Vinacomin
378	TCD	CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải
379	TCH	CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy
380	TCL	CTCP Đại Lý Giao Nhận Vận Tải Xếp Dỡ Tân Cảng
381	TCM	CTCP Dệt May Đầu Tư Thương Mại Thành Công
382	TCR	CTCP Công Nghệ Gốm Sứ Taicera
383	TCS	CTCP Than Cao Sơn - Vinacomin
384	TCT	CTCP Cáp Treo Núi Bà Tây Ninh


BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÁC DNNY VIỆT NAM NĂM 2018

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
385	TDC	CTCP KD VÀ PT Bình Dương
386	TDG	CTCP Dầu khí Thái Dương
387	TDH	CTCP Phát Triển Nhà Thủ Đức
388	TDN	CTCP Than Đèo Nai - Vinacomin
389	TEG	CTCP TECGROUP
390	TFC	CTCP Trang
391	THG	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Tiền Giang
392	THI	CTCP Thiết bị điện
393	THT	CTCP Than Hà Tu - Vinacomin
394	TIG	CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long
395	TIP	CTCP Phát triển Khu Công Nghiệp Tín Nghĩa
396	TJC	CTCP Dịch vụ Vận tải và Thương mại
397	TKC	CTCP Xây Dựng và Kinh doanh Địa Ốc Tân Kỳ
398	TKU	CTCP Công nghiệp Tungkuang
399	TLH	CTCP Tập Đoàn Thép Tiến Lên
400	TMT	CTCP Ôtô TMT
401	TNA	CTCP TM XNK Thiên Nam
402	TNG	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG
403	TNI	CTCP Tập đoàn Thành Nam
404	TNT	CTCP Tài Nguyên
405	TPC	CTCP Nhựa Tân Đại Hưng
406	TRA	CTCP Traphaco
407	TRC	CTCP Cao Su Tây Ninh
408	TS4	CTCP Thủy Sản Số 4
409	TSB	CTCP Ấc quy Tia Sáng
410	TSC	CTCP Vật Tư Kỹ Thuật Nông Nghiệp Cần Thơ
411	TTB	CTCP Tập đoàn Tiến Bộ
412	TTC	CTCP Gạch men Thanh Thanh
413	TTH	CTCP Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành
414	TTT	CTCP Du lịch - Thương mại Tây Ninh
415	TTZ	CTCP Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung
416	TV1	CTCP Tư Vấn Xây Dựng Điện 1
417	TV2	CTCP Tư vấn Xây dựng Điện 2
418	TV4	CTCP Tư vấn Xây dựng điện 4
419	TVC	CTCP Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt
420	TVS	CTCP Chứng khoán Thiên Việt
421	TVT	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP
422	TXM	CTCP Vicem Thạch cao Xi măng
423	TYA	CTCP Dây và Cáp Điện Taya Việt Nam
424	UDC	CTCP Xây Dựng và Phát Triển Đô Thị Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
425	UIC	CTCP Đầu Tư Phát Triển Nhà và Đô Thị Idico
426	UNI	CTCP Viễn Liên
427	V12	CTCP xây dựng số 12
428	V21	CTCP Vinaconex 21
429	VAT	CTCP VT Vạn Xuân
430	VBC	CTCP Nhựa Bao bì Vinh
431	VC2	CTCP xây dựng số 2
432	VC3	CTCP Xây Dựng Số 3 - Vinaconex 3
433	VC7	CTCP Xây dựng 7

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
434	VC9	CTCP xây dựng số 9
435	VCB	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam
436	VCC	CTCP Vinaconex 25
437	VCG	Tổng CTCP XNK và Xây dựng Việt Nam
438	VCI	CTCP Chứng khoán Bản Việt
439	VCR	CTCP Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex
440	VCS	CTCP VICOSTONE
441	VDP	CTCP Dược phẩm Trung Ương VIDIPHA
442	VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt
443	VE1	CTCP Xây dựng điện VNECO 1
444	VE2	CTCP Xây dựng điện VNECO 2
445	VE3	CTCP Xây dựng điện VNECO3
446	VE4	CTCP Xây dựng Điện Vneco 4
447	VE8	CTCP Xây dựng Điện Vneco 8
448	VE9	CTCP Đầu tư và Xây dựng VNECO 9
449	VFG	CTCP Khử Trùng Việt Nam
450	VGC	Tổng Công ty Viglacera - CTCP
451	VGS	CTCP Ống thép Việt Đức VGPIPE
452	VHC	CTCP Vinh Hoàn
453	VIC	Tập Đoàn Vingroup - CTCP
454	VID	CTCP Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Viễn Đông
455	VIE	CTCP Công nghệ Viễn thông VITECO
456	VIG	CTCP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
457	VIP	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vipco
458	VIS	CTCP Thép Việt ý
459	VIT	CTCP VIGLACERA TIỀN SON
460	VIX	CTCP Chứng khoán IB
461	VJC	CTCP Hàng không Vietjet
462	VKC	CTCP Cáp nhựa Vĩnh Khánh
463	VLA	CTCP Đầu tư và phát triển công nghệ Văn Lang
464	VMC	CTCP VIMECO
465	VMI	CTCP Khoáng sản và Đầu tư VISACO
466	VND	CTCP Chứng khoán Vndirect
467	VNE	Tổng CTCP Xây Dựng Điện Việt Nam
468	VNG	CTCP Du Lịch Thành Thành Công
469	VNM	CTCP Sữa Việt Nam
470	VNR	Tổng CTCP Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam
471	VNS	CTCP Ánh Dương Việt Nam
472	VPB	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng
473	VPH	CTCP Vạn Phát Hưng
474	VRC	CTCP Bất động sản và Đầu tư VRC
475	VSC	CTCP Container Việt Nam
476	VSH	CTCP Thủy Điện Vĩnh Sơn Sông Hinh
477	VSI	CTCP Đầu Tư và Xây Dựng Cấp Thoát Nước
478	VSM	CTCP Container Miền Trung
479	VTB	CTCP Viettronics Tân Bình
480	VTH	CTCP Dây cáp điện Việt Thái
481	VTJ	CTCP Thương mại và Đầu tư Vi na ta ba
482	VTO	CTCP Vận Tải Xăng Dầu Vítaco

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÁC DNNY VIỆT NAM NĂM 2018

STT	Mã Cổ Phiếu	Tên Công ty
483	VTV	CTCP Vicem Vật tư Vận tải Xi măng
484	WCS	CTCP Bến xe Miền Tây
485	WSS	CTCP Chứng khoán Phố Wall



Minh bạch
Quản trị tốt
Phát triển bền vững